

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 12C1

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 12C1 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Thanh Quân

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.

4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Trần Thị Ngọc Anh	06/09/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Nhà Trường, xã Tân Lâm, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
2	Ngô Thị Thanh Hà	24/07/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 1, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
3	Phạm Thị Thu Hà	15/07/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Láng, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
4	Lê Thanh Hải	19/07/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Hòa Quới, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	20/12/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
6	Phan Thị Ngọc Hân	26/06/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
7	Tạ Văn Hậu	31/10/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Nhất, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
8	Lê Thị Thu Hiền	03/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
9	Lê Ngọc Huy	15/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
10	Lê Anh Kiệt	23/09/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	31/08/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 1, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	30/06/2007	Long An	Kinh	Nam		Khu phố 2, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
13	Trần Thị Thùy Minh	21/05/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Hòa Quới, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
14	Lương Huỳnh Hải My	14/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 5, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
15	Ngô Văn Thanh Nam	04/06/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	23/11/2007	Long An	Kinh	Nữ		Cầu Tam Bình, xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	05/10/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Đông Nhi, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	31/12/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 2, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
19	Tạ Văn Nhân	02/03/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Đông Nhất, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
20	Vô Thị Yến Nhi	21/05/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 4, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
21	Trần Thị Nhiên	18/01/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Đông Nhất, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
22	Dư Thị Phi Nhung	29/12/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 3, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
23	Bùi Hồng Như	08/01/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	03/07/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 6, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
25	Trần Lê Hạnh Phúc	15/08/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp 4 Xã Phước Đông
26	Vô Thanh Tâm	14/05/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 7, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
27	Trương Hữu Thành	24/02/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
28	Nguyễn Thị Hồng Tháo	07/05/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Đình, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
29	Đặng Tuyết Tháo	21/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu phố 8, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
30	Vô Thị Cẩm Tiên	05/11/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
31	Trần Kim Thủy Tiên	16/05/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
32	Nguyễn Phan Thy Trang	22/09/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 6, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
33	Nguyễn Phát Triển	27/12/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	03/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3, xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	07/07/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Bình Hòa, xã Tân Lâm, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
36	Trần Thị Thanh Trúc	28/07/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3, xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10/12/2007	Đồng Nai	Kinh	Nữ		Ấp Đình, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
38	Vô Đại Vệ	06/06/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Nhà Dài, xã Tân Lâm, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
39	Phạm Quốc Việt	24/02/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Xóm Mới, xã Tân Lâm, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
40	Ngô Tháo Vy	05/10/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 6, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	14/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 5, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	26/07/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 3, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Trần Thế Phong - Thợ hồ	Nguyễn Thị Bé Hồng - Thợ may	
2	Ngô Hoàng Nam - Thợ hồ	Lê Thị Cẩm Chi - Công nhân	
3	Phạm Minh Tâm - Thợ hồ	Nguyễn Thị Thu Xương - Nội trợ	
4	Lê Thanh Tuấn - Đi tàu	Phạm Thị Hồng Hạnh - Nội trợ	
5	Nguyễn Tấn Hùng - Thợ Hàn	Biện Thị Kim Ngân - Công nhân	
6	Phan Ngọc Thành - Làm vườn	Trương Thị Phượng - Nội trợ	
7	Tạ Văn Trung - Đi tàu	Lê Kim Viên - Công nhân	
8	Lê Văn Thắng - Đi ghe	Phạm Thị Tuyền - Nội trợ	
9	Lê Ngọc Châu - Thợ hồ	Nguyễn Thị Ngọc Hương - Công nhân	
10	Lê Anh Khoa - Thợ xây	Cao Thị Ngọc Nhung - Nội trợ	
11	Đặng Văn Liệt - Đi xà lan	Nguyễn Thị Hồng Vân - Công nhân	
12	Phạm Duy Linh - Công nhân	Nguyễn Thị Kim Dung - Buôn Bán	
13	Trần Hữu Bình - Đi ghe	Võ Thị Thủy Trang - Đi ghe	
14	Lương Huỳnh Hải - Nhân viên	Huỳnh Thị Ngọc Trúc - Công nhân	
15	Ngô Văn Tâm - Buôn Bán	Trần Ngọc Ánh - Buôn Bán	
16	Nguyễn Thanh Hải - Mát	Võ Thị Tuyết - Buôn bán	
17	Huỳnh Thanh Sơn - Đi Xà Lan	Trần Thị Gái - Công nhân	
18	Phan Tiến Vững - Làm ruộng	Nguyễn Thị Thanh Thúy - Công nhân	
19	Tạ Văn Tuấn - Làm ruộng	Nguyễn Thị Hạnh - Làm ruộng	
20	Võ Hoàng Hận - Thợ xây	Đỗ Thị Kim Liên - Nội trợ	
21	Trần Duy Linh - Thợ hồ	Nguyễn Thị Hứ - Phụ hồ	
22	Dư Minh Vũ - Giao đồ	Võ Thị Thu Vân - Nội trợ	
23	Bùi Hồng Hưng - Chủ xưởng xà lan	Trương Thị Thủy Vân - Nội trợ	
24	Nguyễn Văn Đan - Làm ruộng	Võ Kim Loan - Làm ruộng	
25	Trần Phương Phương - Buôn bán	Lê Mộng Cẩm Thi - Nội trợ	
26	Võ Thanh Tùng - Công nhân	Nguyễn Thị Thu - Công nhân	
27	Trương Hữu Thắng - Thợ hồ	Nguyễn Thị Phượng - Công nhân	
28	Nguyễn Văn Tâm - Buôn Bán	Nguyễn Thị Hương - Buôn Bán	
29	Đặng Văn Hưng - Công nhân	Hồ Thị Bạch Tuyết - Công nhân	
30	Võ Văn Hòa - Công nhân	Bùi Thị Hồng Nhung - Công nhân	
31	Nguyễn Tấn Lợi - Sửa xe	Nguyễn Thị Bích Phượng - Công nhân	
32	Nguyễn Văn Trung - Công nhân	Phan Thị Ngọc Dung - Công nhân	
33	Nguyễn Ngọc Lợi - Công nhân	Phạm Thị Mỹ Liên - Nội trợ	
34	Nguyễn Văn Minh Tùng - Thợ hồ	Đặng Thị Kim Ngọc - Điều dưỡng	
35	Nguyễn Văn Đức - Lao động tự do	Nguyễn Thị Ngọc Hân - Lao động tự do	
36	Trần Văn Thanh - Buôn Bán	Nguyễn Thị Lệ Hằng - Buôn Bán	
37	Nguyễn Thanh Vũ - Thợ hồ	Trần Thị Hoà - Nội trợ	
38	Võ Văn Lấn - Làm ruộng	Nguyễn Thị Bé Ba - Làm ruộng	
39	Phạm Quốc Đạt - Công nhân	Phan Thị Hồng Hà - Công nhân	
40	Ngô Văn Lý - Làm ruộng	Hồ Thị Ngân Hà - Công nhân	
41	Lương Huỳnh Hải - Nhân viên	Huỳnh Thị Ngọc Trúc - Công nhân	
42	Huỳnh Văn Hường - Chăn nuôi	Trà Ngọc Cúc - Nội trợ	

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Thanh Quân	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Thanh Quân	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Thanh Quân	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Thanh Quân	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5			TS	P	K
1	Trần Thị Ngọc Anh																																	0	0	0
2	Ngô Thị Thanh Hà																																	0	0	0
3	Phạm Thị Thu Hà																																	0	0	0
4	Lê Thanh Hải																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																P																1	1	0	
6	Phan Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
7	Tạ Văn Hậu																						P											1	1	0
8	Lê Thị Thu Hiền																																	0	0	0
9	Lê Ngọc Huy																																	0	0	0
10	Lê Anh Kiệt																								P								1	1	0	
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh																																	0	0	0
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi																																	0	0	0
13	Trần Thị Thùy Minh																						P											1	1	0
14	Lương Huỳnh Hải My																																	0	0	0
15	Ngô Văn Thanh Nam																																	0	0	0
16	Nguyễn Thị Kim Ngân																																	0	0	0
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân																																	0	0	0
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên																																	0	0	0
19	Tạ Văn Nhân																																	0	0	0
20	Võ Thị Yến Nhi																																	0	0	0
21	Trần Thị Nhiên																																	0	0	0
22	Dư Thị Phi Nhung																																	0	0	0
23	Bùi Hồng Như																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như																																	0	0	0
25	Trần Lê Hạnh Phúc																																	0	0	0
26	Võ Thanh Tâm																																	0	0	0
27	Trương Hữu Thành																																	0	0	0
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo																																	0	0	0
29	Đặng Tuyết Thảo																																	0	0	0
30	Võ Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0
31	Trần Kim Thủy Tiên																																	0	0	0
32	Nguyễn Phan Thy Trang																																	0	0	0
33	Nguyễn Phát Triển																																	0	0	0
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc																																	0	0	0
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc																																	0	0	0
36	Trần Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết																																	0	0	0
38	Võ Đại Vệ																																	0	0	0
39	Phạm Quốc Việt																																	0	0	0
40	Ngô Thảo Vy																																	0	0	0
41	Lương Huỳnh Trúc Vy																																	0	0	0
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	0	0	0		4	4	0	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	TS	P	K
1	Trần Thị Ngọc Anh																																	0	0	0
2	Ngô Thị Thanh Hà																																	0	0	0
3	Phạm Thị Thu Hà																																	0	0	0
4	Lê Thanh Hải																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Phan Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
7	Tạ Văn Hậu																																	0	0	0
8	Lê Thị Thu Hiền																																	0	0	0
9	Lê Ngọc Huy																																	0	0	0
10	Lê Anh Kiệt																																	0	0	0
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh																																	0	0	0
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi																																	0	0	0
13	Trần Thị Thủy Minh																																	0	0	0
14	Lương Huỳnh Hải My																																	0	0	0
15	Ngô Văn Thanh Nam																																	0	0	0
16	Nguyễn Thị Kim Ngân																																	0	0	0
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân																																	0	0	0
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên																																	0	0	0
19	Tạ Văn Nhân																																	0	0	0
20	Võ Thị Yến Nhi																																	0	0	0
21	Trần Thị Nhiên																																	0	0	0
22	Dư Thị Phi Nhung																																	0	0	0
23	Bùi Hồng Như																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như																				P												1	1	0	
25	Trần Lê Hạnh Phúc																																	0	0	0
26	Võ Thanh Tâm											P	P	P																			3	3	0	
27	Trương Hữu Thành					P														P								P					3	3	0	
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo																																	0	0	0
29	Đặng Tuyết Thảo																																	0	0	0
30	Võ Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0
31	Trần Kim Thủy Tiên																																	0	0	0
32	Nguyễn Phan Thy Trang																																	0	0	0
33	Nguyễn Phát Triển																																	0	0	0
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc																																	0	0	0
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc																																	0	0	0
36	Trần Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết																																	0	0	0
38	Võ Đại Vệ																																	0	0	0
39	Phạm Quốc Việt																																	0	0	0
40	Ngô Thảo Vy																																	0	0	0
41	Lương Huỳnh Trúc Vy																																	0	0	0
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	7	7	0

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	TS	P	K
1	Trần Thị Ngọc Anh																																	0	0	0
2	Ngô Thị Thanh Hà																																	0	0	0
3	Phạm Thị Thu Hà																																	0	0	0
4	Lê Thanh Hải																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Phan Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
7	Tạ Văn Hậu																																	0	0	0
8	Lê Thị Thu Hiền																																	0	0	0
9	Lê Ngọc Huy																																	0	0	0
10	Lê Anh Kiệt																																	0	0	0
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh																																	0	0	0
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi																																	0	0	0
13	Trần Thị Thủy Minh																																	0	0	0
14	Lương Huỳnh Hải My																																	0	0	0
15	Ngô Văn Thanh Nam																																	0	0	0
16	Nguyễn Thị Kim Ngân																																	0	0	0
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân																																	0	0	0
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên																																	0	0	0
19	Tạ Văn Nhân																																	0	0	0
20	Võ Thị Yến Nhi																																	0	0	0
21	Trần Thị Nhiên																																	0	0	0
22	Dư Thị Phi Nhung																																	0	0	0
23	Bùi Hồng Như																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như																																	0	0	0
25	Trần Lê Hạnh Phúc																																	0	0	0
26	Võ Thanh Tâm																																	0	0	0
27	Trương Hữu Thành																																	0	0	0
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo																																	0	0	0
29	Đặng Tuyết Thảo																																	0	0	0
30	Võ Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0
31	Trần Kim Thủy Tiên																																	0	0	0
32	Nguyễn Phan Thy Trang																																	0	0	0
33	Nguyễn Phát Triển																																	0	0	0
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc																																	0	0	0
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc																																	0	0	0
36	Trần Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết																																	0	0	0
38	Võ Đại Vệ																																	0	0	0
39	Phạm Quốc Việt																																	0	0	0
40	Ngô Thảo Vy																																	0	0	0
41	Lương Huỳnh Trúc Vy																																	0	0	0
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ti lệ:

có phép: 0%
không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Quân

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Trần Thị Ngọc Anh	10,0	7,0	9,0	9,0		5,3	5,8	7,0	Học khá, chăm ngoan
2	Ngô Thị Thanh Hà	10,0	8,0	10,0	6,0		9,0	6,5	7,9	Học khá, chăm ngoan
3	Phạm Thị Thu Hà	10,0	8,0	6,0	9,0		6,5	7,8	7,7	Học khá, chăm ngoan
4	Lê Thanh Hải	10,0	9,0	10,0	9,0		8,8	8,0	8,8	Học giỏi, chăm ngoan
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	7,0	9,0	7,0		8,0	5,3	7,0	Học khá, chăm ngoan
6	Phan Thị Ngọc Hân	10,0	8,0	6,0	10,0		6,3	8,0	7,8	Học khá, chăm ngoan
7	Tạ Văn Hậu	10,0	8,0	9,0	7,0		8,8	7,5	8,2	Học giỏi, chăm ngoan
8	Lê Thị Thu Hiền	10,0	9,0	9,0	9,0		8,8	9,0	9,1	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
9	Lê Ngọc Huy	10,0	8,0	7,0	9,0		5,0	6,3	7,0	Học khá, chăm ngoan
10	Lê Anh Kiệt	10,0	8,0	10,0	9,0		9,8	8,0	9,0	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	10,0	9,0	8,0	9,0		7,8	8,5	8,6	Học giỏi, chăm ngoan
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	10,0	8,0	8,0	8,0		6,5	8,3	8,0	Học giỏi, chăm ngoan
13	Trần Thị Thùy Minh	10,0	7,0	8,0	7,0		5,3	7,0	7,1	Học khá, chăm ngoan
14	Lương Huỳnh Hải My	10,0	10,0	10,0	10,0		9,3	9,3	9,6	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
15	Ngô Văn Thanh Nam	9,0	8,0	9,0	8,0		7,5	6,5	7,6	Học khá, chăm ngoan
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	8,0	9,0	9,0	8,0		8,8	8,8	8,7	Học giỏi, chăm ngoan
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	8,0	8,0	7,0	9,0		6,3	7,8	7,6	Học khá, chăm ngoan
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	10,0	8,0	8,0	8,0		8,0	6,3	7,7	Học khá, chăm ngoan
19	Tạ Văn Nhân	8,0	7,0	10,0	7,0		7,3	6,8	7,4	Học khá, chăm ngoan
20	Võ Thị Yến Nhi	8,0	8,0	10,0	10,0		8,5	7,5	8,4	Học giỏi, chăm ngoan
21	Trần Thị Nhiên	10,0	8,0	10,0	8,0		6,0	7,3	7,8	Học khá, chăm ngoan
22	Dư Thị Phi Nhung	10,0	7,0	9,0	8,0		8,3	5,0	7,3	Học khá, chăm ngoan
23	Bùi Hồng Như	9,0	6,0	7,0	8,0		6,3	7,0	7,1	Học khá, chăm ngoan
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	10,0	8,0	9,0	9,0		7,3	8,3	8,4	Học giỏi, chăm ngoan
25	Trần Lê Hạnh Phúc									
26	Võ Thanh Tâm	10,0	8,0	8,0	9,0		8,8	7,8	8,4	Học giỏi, chăm ngoan
27	Trương Hữu Thành	10,0	7,0	5,0	7,0		6,3	7,8	7,2	Học khá, chăm ngoan
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	10,0	7,0	7,0	7,0		5,0	7,8	7,2	Học khá, chăm ngoan
29	Đặng Tuyết Thảo	8,0	8,0	10,0	8,0		8,5	7,0	8,0	Học giỏi, chăm ngoan
30	Võ Thị Cẩm Tiên	10,0	8,0	9,0	9,0		4,3	8,0	7,6	Học khá, chăm ngoan
31	Trần Kim Thủy Tiên	10,0	9,0	8,0	9,0		8,8	7,8	8,6	Học giỏi, chăm ngoan
32	Nguyễn Phan Thy Trang	10,0	8,0	7,0	9,0		7,0	8,3	8,1	Học giỏi, chăm ngoan
33	Nguyễn Phát Triển	10,0	7,0	4,0	6,0		6,8	7,8	7,1	Học khá, chăm ngoan
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	10,0	9,0	10,0	9,0		7,3	8,3	8,6	Học giỏi, chăm ngoan
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	8,0	7,0	9,0	7,0		6,5	8,3	7,7	Học khá, chăm ngoan
36	Trần Thị Thanh Trúc	9,0	9,0	9,0	8,0		6,5	5,0	7,0	Học khá, chăm ngoan
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,0	7,0	10,0	7,0		5,3	7,8	7,3	Học khá, chăm ngoan
38	Võ Đại Vệ	10,0	8,0	10,0	8,0		7,3	7,8	8,2	Học giỏi, chăm ngoan
39	Phạm Quốc Việt	9,0	8,0	7,0	7,0		8,5	7,5	7,8	Học khá, chăm ngoan
40	Ngô Thảo Vy	10,0	8,0	9,0	10,0		4,5	8,0	7,8	Học khá, chăm ngoan
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	10,0	8,0	10,0	8,0		9,5	9,3	9,2	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	9,0	8,0	8,0	8,0		8,5	8,8	8,5	Học giỏi, chăm ngoan

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Duy Phương

Hóa học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Trần Thị Ngọc Anh	9,5	8,0	8,5			6,8	8,8	8,3	học tốt, cần phát huy		
2	Ngô Thị Thanh Hà	9,0	8,0	9,0			7,0	9,3	8,5	học tốt, cần phát huy		
3	Phạm Thị Thu Hà	8,5	7,0	8,0			7,0	7,0	7,3	học khá, cố gắng thêm		
4	Lê Thanh Hải	9,5	9,0	9,5			8,0	10,0	9,3	học giỏi, ý thức học tập tốt		
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	7,5	8,0			6,3	8,3	7,8	học khá, cố gắng thêm		
6	Phan Thị Ngọc Hân	9,5	9,0	9,0			7,5	10,0	9,1	học giỏi, ý thức học tập tốt		
7	Tạ Văn Hậu	9,0	8,0	8,5			6,5	5,8	7,0	học khá, cố gắng thêm		
8	Lê Thị Thu Hiền	9,5	9,0	9,0			7,8	9,5	9,0	học giỏi, ý thức học tập tốt		
9	Lê Ngọc Huy	8,5	8,0	8,5			7,0	6,0	7,1	học khá, cố gắng thêm		
10	Lê Anh Kiệt	9,5	8,0	8,0			6,0	8,3	7,8	học khá, cố gắng thêm		
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	8,5	7,0	8,0			7,3	7,3	7,5	học khá, cố gắng thêm		
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	9,0	7,5	8,0			6,8	7,9	7,7	học khá, cố gắng thêm		
13	Trần Thị Thủy Minh	8,0	7,5	8,0			7,3	8,0	7,8	học khá, cố gắng thêm		
14	Lương Huỳnh Hải My	9,0	8,0	9,0			7,3	9,3	8,6	học tốt, cần phát huy		
15	Ngô Văn Thanh Nam	7,5	8,0	9,0			8,0	9,3	8,6	học tốt, cần phát huy		
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	9,0	8,5	9,0			7,3	9,5	8,7	học tốt, cần phát huy		
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	9,0	8,5	9,0			6,0	8,5	8,0	học tốt, cần phát huy		
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	8,5	7,0	8,0			5,8	8,3	7,5	học khá, cố gắng thêm		
19	Tạ Văn Nhân	9,0	7,0	7,5			5,3	7,8	7,2	học khá, cố gắng thêm		
20	Võ Thị Yến Nhi	8,0	7,0	8,0			6,0	8,3	7,5	học khá, cố gắng thêm		
21	Trần Thị Nhiên	9,0	8,0	8,0			6,5	8,8	8,1	học tốt, cần phát huy		
22	Dư Thị Phi Nhung	9,0	8,0	8,5			5,8	9,8	8,3	học tốt, cần phát huy		
23	Bùi Hồng Như	5,5	8,0	8,0			7,3	7,5	7,3	học khá, cố gắng thêm		
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	10,0	9,0	9,5			8,5	9,8	9,4	học giỏi, ý thức học tập tốt		
25	Trần Lê Hạnh Phúc	7,5					5,0					
26	Võ Thanh Tâm	9,0	6,5	7,0			5,0	7,3	6,8	học khá, cố gắng thêm		
27	Trương Hữu Thành	6,0	7,0	7,0			5,3	8,5	7,0	học khá, cố gắng thêm		
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	7,5	7,0	8,0			6,5	8,0	7,4	học khá, cố gắng thêm		
29	Đặng Tuyết Thảo	9,0	8,0	9,0			7,3	9,3	8,6	học tốt, cần phát huy		
30	Võ Thị Cẩm Tiên	8,5	8,0	9,0			7,8	8,8	8,4	học tốt, cần phát huy		
31	Trần Kim Thủy Tiên	9,5	7,5	8,0			7,5	7,3	7,7	học khá, cố gắng thêm		
32	Nguyễn Phan Thy Trang	7,5	8,0	9,0			7,5	9,5	8,5	học tốt, cần phát huy		
33	Nguyễn Phát Triển	7,5	7,0	7,0			6,3	7,0	6,9	học khá, cố gắng thêm		
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	10,0	10,0	1,1			10,0	10,0	8,9	học tốt, cần phát huy		
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	9,0	9,0	9,5			8,3	10,0	9,3	học giỏi, ý thức học tập tốt		
36	Trần Thị Thanh Trúc	6,0	8,5	9,0			5,3	7,3	7,0	học khá, cố gắng thêm		
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	9,0	8,0	8,5			7,3	8,5	8,2	học tốt, cần phát huy		
38	Võ Đại Vệ	7,0	8,0	8,5			7,0	9,3	8,2	học tốt, cần phát huy		
39	Phạm Quốc Việt	8,0	8,5	9,0			6,5	5,5	6,9	học khá, cố gắng thêm		
40	Ngô Thảo Vy	9,5	8,5	9,0			7,5	9,3	8,7	học tốt, cần phát huy		
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	9,5	9,0	9,0			8,3	9,3	9,0	học giỏi, ý thức học tập tốt		
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	9,0	8,0	9,0			6,3	9,5	8,4	học tốt, cần phát huy		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Lê Tấn Đức

Sinh học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Trần Thị Ngọc Anh	8,0	7,0	9,0			7,8	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan.	
2	Ngô Thị Thanh Hà	9,0	7,0	9,0			8,3	8,3	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
3	Phạm Thị Thu Hà	9,0	10,0	9,0			7,0	6,8	7,8	Học khá, chăm ngoan.	
4	Lê Thanh Hải	9,0	10,0	9,0			9,3	9,3	9,3	Học tốt, chăm ngoan, có ý thức tự học cao.	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	7,0	9,0			8,3	7,3	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
6	Phan Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	9,0			8,3	8,0	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
7	Tạ Văn Hậu	8,0	6,0	9,0			7,0	8,8	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
8	Lê Thị Thu Hiền	8,0	8,0	9,0			8,0	8,5	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
9	Lê Ngọc Huy	8,0	8,0	9,0			8,5	6,5	7,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
10	Lê Anh Kiệt	9,0	8,0	9,0			8,5	6,3	7,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	9,0	9,0	7,0			8,8	5,5	7,4	Học khá, cần cố gắng hơn.	
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	9,0	6,0	9,0			7,5	5,8	7,1	Học khá, cần cố gắng hơn.	
13	Trần Thị Thủy Minh	9,0	7,0	9,0			6,5	7,5	7,6	Học khá, cần cố gắng hơn.	
14	Lương Huỳnh Hải My	10,0	9,0	9,0			7,0	8,0	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
15	Ngô Văn Thanh Nam	9,0	7,0	8,0			6,5	8,3	7,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	9,0	7,0	9,0			7,5	9,3	8,5	Học tốt, chăm ngoan.	
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	9,0	7,0	9,0			7,3	9,8	8,6	Học tốt, chăm ngoan.	
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	8,0	6,0	9,0			8,0	7,8	7,8	Học khá, chăm ngoan.	
19	Tạ Văn Nhân	8,0	8,0	9,0			7,3	7,8	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
20	Võ Thị Yến Nhi	9,0	10,0	9,0			7,0	8,8	8,6	Học tốt, chăm ngoan.	
21	Trần Thị Nhiên	9,0	10,0	8,0			8,0	7,8	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
22	Dư Thị Phi Nhung	9,0	6,0	8,0			7,3	8,3	7,8	Học khá, chăm ngoan.	
23	Bùi Hồng Như	8,0	10,0	8,0			7,8	9,8	8,9	Học tốt, chăm ngoan.	
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	9,0	10,0	9,0			9,5	8,0	8,9	Học tốt, chăm ngoan.	
25	Trần-Lê-Hạnh-Phúc	8,0	6,0	8,0			8,0				
26	Võ Thanh Tâm	8,0	7,0	9,0			7,0	8,8	8,1	Học tốt, chăm ngoan.	
27	Trương Hữu Thành	8,0	9,0	8,0			7,5	7,5	7,8	Học khá, chăm ngoan.	
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	9,0	6,0	9,0			7,8	7,0	7,6	Học khá, cần cố gắng hơn.	
29	Đặng Tuyết Thảo	9,0	7,0	9,0			7,5	8,5	8,2	Học tốt, chăm ngoan.	
30	Võ Thị Cẩm Tiên	8,0	7,0	9,0			6,0	7,5	7,3	Học khá, cần cố gắng hơn.	
31	Trần Kim Thủy Tiên	9,0	9,0	9,0			7,3	8,8	8,5	Học tốt, chăm ngoan.	
32	Nguyễn Phan Thy Trang	9,0	8,0	8,0			9,3	9,8	9,1	Học tốt, chăm ngoan, có ý thức tự học cao.	
33	Nguyễn Phát Triển	9,0	9,0	8,0			7,5	7,8	8,1	Học tốt, chăm ngoan.	
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	9,0	10,0	9,0			9,5	10,0	9,6	Học tốt, chăm ngoan, có ý thức tự học cao.	
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	8,0	10,0	9,0			8,5	9,0	8,9	Học tốt, chăm ngoan.	
36	Trần Thị Thanh Trúc	8,0	7,0	9,0			6,3	9,8	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	9,0	10,0	9,0			7,5	9,8	9,1	Học tốt, chăm ngoan, có ý thức tự học cao.	
38	Võ Đại Vệ	8,0	7,0	9,0			7,5	8,3	8,0	Học tốt, chăm ngoan.	
39	Phạm Quốc Việt	9,0	9,0	9,0			7,5	7,3	8,0	Học tốt, chăm ngoan.	
40	Ngô Thảo Vy	9,0	10,0	9,0			6,5	9,3	8,6	Học tốt, chăm ngoan.	
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	10,0	10,0	9,0			7,8	8,5	8,8	Học tốt, chăm ngoan.	
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	9,0	10,0	9,0			7,5	9,8	9,1	Học tốt, chăm ngoan, có ý thức tự học cao.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Trang

Ngữ văn HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhh	Ghi Chú	
1	Trần Thị Ngọc Anh	7,0	8,0	8,0	10,0		7,5	6,5	7,5	Học khá	
2	Ngô Thị Thanh Hà	7,0	8,0	8,0	10,0		6,5	8,0	7,8	Học khá	
3	Phạm Thị Thu Hà	8,0	8,0	9,0	8,0		5,0	5,0	6,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
4	Lê Thanh Hải	9,0	8,0	8,0	9,0		7,0	7,5	7,8	Học khá	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	5,0	7,0	8,0	7,0		5,5	6,5	6,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
6	Phan Thị Ngọc Hân	6,0	9,0	9,0	9,0		8,0	7,5	7,9	Học khá	
7	Tạ Văn Hậu	6,0	7,0	7,0	7,0		6,5	5,5	6,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
8	Lê Thị Thu Hiền	8,0	8,0	8,0	10,0		8,0	8,0	8,2	Học giỏi , có tinh thần học tập tốt	
9	Lê Ngọc Huy	6,0	8,0	9,0	8,0		5,5	6,0	6,7	Học khá	
10	Lê Anh Kiệt	8,0	9,0	9,0	9,0		8,0	8,0	8,3	Học giỏi , có tinh thần học tập tốt	
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	8,0	9,0	9,0	9,0		6,5	7,0	7,7	Học khá	
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	7,0	7,0	9,0	7,0		5,5	6,0	6,6	Học khá	
13	Trần Thị Thủy Minh	7,0	8,0	9,0	8,0		5,0	6,0	6,7	Học khá	
14	Lương Huỳnh Hải My	10,0	9,0	9,0	10,0		9,0	9,0	9,2	Học giỏi , có tinh thần học tập tốt	
15	Ngô Văn Thanh Nam	9,0	8,0	8,0	9,0		6,5	7,5	7,7	Học khá	
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	8,0	8,0	9,0	10,0		5,5	7,0	7,4	Học khá	
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	8,0	8,0	9,0	9,0		5,0	5,0	6,6	Học khá	
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	7,0	8,0	8,0	9,0		6,0	7,5	7,4	Học khá	
19	Tạ Văn Nhân	6,0	7,0	8,0	7,0		5,0	5,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
20	Võ Thị Yến Nhi	7,0	8,0	9,0	7,0		5,5	5,5	6,5	Học khá	
21	Trần Thị Nhiên	8,0	8,0	9,0	10,0		8,0	7,5	8,2	Học giỏi , có tinh thần học tập tốt	
22	Dư Thị Phi Nhung	8,0	7,0	8,0	7,0		3,0	5,5	5,8	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
23	Bùi Hồng Như	8,0	8,0	8,0	8,0		4,5	4,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	10,0	9,0	9,0	9,0		7,0	7,5	8,2	Học giỏi , có tinh thần học tập tốt	
25	Trần Lê Hạnh Phúc										
26	Võ Thanh Tâm	7,0	7,0	8,0	7,0		4,5	5,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
27	Trương Hữu Thành	8,0	8,0	8,0	8,0		4,5	4,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	7,0	8,0	9,0	9,0		5,0	7,0	7,1	Học khá	
29	Đặng Tuyết Thảo	9,0	9,0	9,0	9,0		5,0	6,0	7,1	Học khá	
30	Võ Thị Cẩm Tiên	7,0	8,0	8,0	9,0		5,5	6,5	6,9	Học khá	
31	Trần Kim Thủy Tiên	8,0	8,0	9,0	8,0		5,0	4,0	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
32	Nguyễn Phan Thy Trang	8,0	9,0	8,0	10,0		5,5	5,5	6,9	Học khá	
33	Nguyễn Phát Triển	8,0	8,0	9,0	8,0		6,0	6,0	7,0	Học khá	
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	9,0	9,0	8,0	10,0		7,5	7,0	8,0	Học giỏi , có tinh thần học tập tốt	
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	9,0	9,0	8,0	9,0		8,0	8,0	8,3	Học giỏi , có tinh thần học tập tốt	
36	Trần Thị Thanh Trúc	7,0	7,0	8,0	8,0		4,5	4,5	5,8	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,0	8,0	9,0	7,0		5,0	5,0	6,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
38	Võ Đại Vệ	7,0	8,0	9,0	8,0		6,0	6,0	6,9	Học khá	
39	Phạm Quốc Việt	7,0	7,0	8,0	8,0		5,5	7,0	6,9	Học khá	
40	Ngô Thảo Vy	9,0	8,0	8,0	9,0		5,5	8,0	7,7	Học khá	
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	10,0	9,0	9,0	10,0		9,0	9,5	9,4	Học giỏi , có tinh thần học tập tốt	
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	7,0	8,0	9,0	8,0		6,5	7,0	7,3	Học khá	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Vân

Lịch sử HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Trần Thị Ngọc Anh	9,0	10,0	10,0			7,0	9,5	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
2	Ngô Thị Thanh Hà	9,0	10,0	9,0			7,0	8,4	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
3	Phạm Thị Thu Hà	8,0	9,0	8,0			6,1	6,3	7,0	Học khá, có cố gắng.	
4	Lê Thanh Hải	9,0	10,0	10,0			8,3	10,0	9,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	8,0	8,0			5,0	9,0	7,6	Học khá, có cố gắng.	
6	Phan Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	10,0			6,8	9,0	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
7	Tạ Văn Hậu	8,0	7,0	7,0			7,0	8,8	7,8	Học khá, có cố gắng.	
8	Lê Thị Thu Hiền	9,0	10,0	10,0			7,5	10,0	9,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
9	Lê Ngọc Huy	9,0	8,0	9,0			7,5	7,7	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
10	Lê Anh Kiệt	9,0	9,0	9,0			9,0	8,8	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	9,0	8,0	9,0			5,0	6,8	7,1	Học khá, có cố gắng.	
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	8,0	8,0	7,0			7,4	9,5	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
13	Trần Thị Thủy Minh	9,0	8,0	8,0			6,5	7,0	7,4	Học khá, có cố gắng.	
14	Lương Huỳnh Hải My	9,0	10,0	10,0			8,8	9,3	9,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
15	Ngô Văn Thanh Nam	9,0	10,0	10,0			7,5	7,3	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	8,0	9,0	9,0			7,0	5,4	7,0	Học khá, có cố gắng.	
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	8,0	9,0	8,0			7,5	8,8	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	8,0	9,0	9,0			7,3	8,8	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
19	Tạ Văn Nhân	8,0	8,0	8,0			7,0	8,0	7,8	Học khá, có cố gắng.	
20	Võ Thị Yến Nhi	9,0	9,0	10,0			6,0	6,0	7,3	Học khá, có cố gắng.	
21	Trần Thị Nhiên	8,0	9,0	9,0			7,8	7,5	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
22	Dư Thị Phi Nhung	9,0	8,0	9,0			6,8	10,0	8,7	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
23	Bùi Hồng Như	8,0	9,0	8,0			5,0	8,8	7,7	Học khá, có cố gắng.	
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	9,0	10,0	10,0			8,5	9,0	9,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
25	Trần Lê Hạnh Phúc										
26	Võ Thanh Tâm	8,0	9,0	9,0			7,0	5,5	7,1	Học khá, có cố gắng.	
27	Trương Hữu Thành	8,0	7,0	7,0			7,0	7,0	7,1	Học khá, có cố gắng.	
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	8,0	8,0	8,0			6,0	8,1	7,5	Học khá, có cố gắng.	
29	Đặng Tuyết Thảo	10,0	9,0	9,0			7,0	10,0	9,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
30	Võ Thị Cẩm Tiên	8,0	8,0	9,0			5,5	9,5	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
31	Trần Kim Thủy Tiên	8,0	8,0	7,0			7,0	9,0	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
32	Nguyễn Phan Thy Trang	9,0	8,0	9,0			7,8	7,8	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
33	Nguyễn Phát Triển	8,0	8,0	8,0			7,5	6,3	7,2	Học khá, có cố gắng.	
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	9,0	9,0	8,0			8,0	9,3	8,7	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	9,0	8,0	10,0			7,8	8,8	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
36	Trần Thị Thanh Trúc	9,0	9,0	9,0			6,0	6,8	7,4	Học khá, có cố gắng.	
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	9,0	9,0	9,0			6,8	6,1	7,4	Học khá, có cố gắng.	
38	Võ Đại Vệ	8,0	8,0	8,0			7,5	8,8	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
39	Phạm Quốc Việt	7,0	8,0	9,0			6,5	6,3	7,0	Học khá, có cố gắng.	
40	Ngô Thảo Vy	9,0	8,0	9,0			7,3	9,8	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	10,0	10,0	10,0			9,3	9,8	9,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	8,0	8,0	7,0			6,8	9,5	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lê Huyền

Địa Lý HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Trần Thị Ngọc Anh	10,0	9,0	8,0	7,0		10,0	9,5	9,2	Chăm ngoan, học giỏi	
2	Ngô Thị Thanh Hà	10,0	10,0	9,0	10,0		10,0	9,5	9,7	Chăm ngoan, học giỏi	
3	Phạm Thị Thu Hà	10,0	9,0	10,0	8,0		10,0	8,0	9,0	Chăm ngoan, học giỏi	
4	Lê Thanh Hải	10,0	9,0	10,0	10,0		10,0	9,0	9,6	Chăm ngoan, học giỏi	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	10,0	9,0	9,0		9,0	8,5	8,9	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
6	Phan Thị Ngọc Hân	10,0	10,0	8,0	9,0		10,0	9,5	9,5	Chăm ngoan, học giỏi	
7	Tạ Văn Hậu	10,0	9,0	10,0	9,0		8,5	7,0	8,4	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
8	Lê Thị Thu Hiền	10,0	10,0	10,0	8,0		10,0	9,5	9,6	Chăm ngoan, học giỏi	
9	Lê Ngọc Huy	10,0	10,0	10,0	7,0		10,0	9,0	9,3	Chăm ngoan, học giỏi	
10	Lê Anh Kiệt	10,0	10,0	9,0	9,0		10,0	9,5	9,6	Chăm ngoan, học giỏi	
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	10,0	9,0	8,0	7,0		10,0	8,5	8,8	Chăm ngoan, học giỏi	
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	9,0	9,0	10,0	8,0		8,5	9,0	8,9	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
13	Trần Thị Thủy Minh	10,0	9,0	10,0	7,0		10,0	9,5	9,4	Chăm ngoan, học giỏi	
14	Lương Huỳnh Hải My	10,0	9,0	10,0	9,0		10,0	9,5	9,6	Chăm ngoan, học giỏi	
15	Ngô Văn Thanh Nam	10,0	10,0	10,0	8,0		10,0	9,0	9,4	Chăm ngoan, học giỏi	
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	10,0	9,0	10,0	7,0		10,0	8,5	9,1	Chăm ngoan, học giỏi	
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	10,0	9,0	8,0	9,0		10,0	8,0	8,9	Chăm ngoan, học giỏi	
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	10,0	10,0	10,0	9,0		10,0	8,0	9,2	Chăm ngoan, học giỏi	
19	Tạ Văn Nhân	9,0	8,0	10,0	8,0		8,5	9,0	8,8	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
20	Võ Thị Yến Nhi	10,0	8,0	8,0	8,0		10,0	7,5	8,5	Chăm ngoan, học khá	
21	Trần Thị Nhiên	10,0	10,0	10,0	7,0		10,0	9,0	9,3	Chăm ngoan, học giỏi	
22	Dư Thị Phi Nhung	9,0	8,0	10,0	9,0		9,0	9,5	9,2	Chăm ngoan, học giỏi	
23	Bùi Hồng Như	9,0	10,0	10,0	9,0		9,0	8,5	9,1	Chăm ngoan, học khá	
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,5	9,8	Chăm ngoan, học giỏi	
25	Trần-Lê-Hạnh-Phước	8,0	5,0	7,0	8,0		8,5	8,0	7,7	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
26	Võ Thanh Tâm	9,0	9,0	10,0	7,0		8,5	8,5	8,6	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
27	Trương Hữu Thành	9,0	8,0	7,0	8,0		8,5	7,5	7,9	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	10,0	9,0	10,0	7,0		10,0	9,5	9,4	Chăm ngoan, học giỏi	
29	Đặng Tuyết Thảo	10,0	10,0	10,0	7,0		10,0	9,5	9,5	Chăm ngoan, học giỏi	
30	Võ Thị Cẩm Tiên	10,0	9,0	8,0	7,0		9,0	9,5	8,9	Chăm ngoan, học giỏi	
31	Trần Kim Thủy Tiên	10,0	10,0	9,0	9,0		9,0	8,5	9,1	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
32	Nguyễn Phan Thy Trang	10,0	9,0	9,0	7,0		10,0	9,5	9,3	Chăm ngoan, học giỏi	
33	Nguyễn Phát Triển	10,0	9,0	9,0	10,0		9,0	8,5	9,1	Chăm ngoan, học giỏi	
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	10,0	10,0	10,0	9,0		9,0	10,0	9,7	Chăm ngoan, học giỏi	
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	10,0	9,0	10,0	9,0		10,0	9,5	9,6	Chăm ngoan, học giỏi	
36	Trần Thị Thanh Trúc	10,0	9,0	10,0	10,0		9,0	7,5	8,8	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10,0	7,0	10,0	7,0		10,0	9,0	9,0	Chăm ngoan, học giỏi	
38	Võ Đại Vệ	10,0	10,0	5,0	10,0		10,0	10,0	9,4	Chăm ngoan, học giỏi	
39	Phạm Quốc Việt	9,0	10,0	8,0	9,0		9,0	10,0	9,3	Chăm ngoan, học giỏi	
40	Ngô Thảo Vy	10,0	10,0	10,0	7,0		10,0	9,5	9,5	Chăm ngoan, học giỏi	
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,5	9,8	Chăm ngoan, học giỏi	
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	10,0	9,0	10,0	9,0		10,0	9,0	9,4	Chăm ngoan, học giỏi	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Quân

Ngoại ngữ 1

HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Trần Thị Ngọc Anh	6,5	5,0	5,5	10,0		6,5	6,2	6,5	Học khá, chăm
2	Ngô Thị Thanh Hà	8,0	9,0	7,0	10,0		7,8	6,6	7,7	Học khá, chăm,ngoan
3	Phạm Thị Thu Hà	7,0	5,0	5,0	10,0		7,0	5,8	6,5	Học khá, chăm
4	Lê Thanh Hải	9,0	7,5	8,0	10,0		8,0	7,4	8,1	Giỏi, chăm, ngoan
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	6,0	6,0	5,0		5,8	6,2	6,0	Học được, chăm
6	Phan Thị Ngọc Hân	7,5	5,0	7,0	10,0		7,2	7,2	7,3	Học khá, chăm,ngoan
7	Tạ Văn Hậu	7,5	6,5	7,0	10,0		8,8	8,0	8,1	Giỏi, chăm, ngoan
8	Lê Thị Thu Hiền	8,0	6,0	5,0	10,0		7,3	7,0	7,2	Học khá, chăm,ngoan
9	Lê Ngọc Huy	6,5	5,5	5,5	10,0		5,8	5,2	6,1	Học được, chăm
10	Lê Anh Kiệt	7,5	6,5	6,0	8,0		4,3	6,4	6,2	Học được, chăm
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	7,5	6,0	6,5	7,5		7,0	4,4	6,1	Học được, chăm
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	8,5	5,0	5,0	10,0		7,3	6,0	6,8	Học khá, chăm
13	Trần Thị Thủy Minh	8,0	5,0	5,0	10,0		7,3	5,8	6,7	Học khá, chăm
14	Lương Huỳnh Hải My	9,0	7,0	10,0	9,0		6,5	8,2	8,1	Giỏi, chăm, ngoan
15	Ngô Văn Thanh Nam	8,0	6,0	5,0	10,0		6,5	4,4	6,1	Học được, chăm
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	8,0	7,0	10,0	7,5		4,5	5,6	6,5	Học khá, chăm
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	8,5	5,0	7,0	10,0		7,3	5,4	6,8	Học khá, chăm
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	7,5	7,5	5,0	10,0		6,3	6,2	6,8	Học khá, chăm
19	Tạ Văn Nhân	8,5	6,0	10,0	6,0		6,5	6,4	7,0	Học khá, chăm,ngoan
20	Võ Thị Yến Nhi	8,0	5,0	7,0	10,0		8,3	5,8	7,1	Học khá, chăm,ngoan
21	Trần Thị Nhiên	7,5	5,0	6,0	10,0		4,3	6,0	6,1	Học được, chăm
22	Dư Thị Phi Nhung	8,0	5,0	5,0	5,0		7,0	7,8	6,7	Học khá, chăm
23	Bùi Hồng Như	7,5	5,0	10,0	5,0		8,8	6,8	7,3	Học khá, chăm,ngoan
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	9,0	8,5	8,5	8,5		6,6	8,2	8,0	Giỏi, chăm, ngoan
25	Trần Lê Hạnh Phúc	8,0	5,0	10,0	5,0		5,0	5,2	6,0	
26	Võ Thanh Tâm	8,0	7,0	9,0	10,0		6,5	7,8	7,8	Học khá, chăm,ngoan
27	Trương Hữu Thành	8,0	6,0	9,0	10,0		8,0	5,2	7,2	Học khá, chăm,ngoan
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	7,0	5,0	6,0	10,0		8,8	7,6	7,6	Học khá, chăm,ngoan
29	Đặng Tuyết Thảo	8,5	8,5	7,0	10,0		5,5	8,0	7,7	Học khá, chăm,ngoan
30	Võ Thị Cẩm Tiên	6,5	5,0	5,0	10,0		9,0	3,6	6,1	Học được, chăm
31	Trần Kim Thủy Tiên	7,5	6,0	6,0	5,0		8,8	7,6	7,2	Học khá, chăm,ngoan
32	Nguyễn Phan Thy Trang	8,0	7,0	9,0	10,0		10,0	6,6	8,2	Giỏi, chăm, ngoan
33	Nguyễn Phát Triển	8,0	5,0	5,0	10,0		8,8	5,6	6,9	Học khá, chăm
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	8,0	5,0	6,0	10,0		5,8	6,8	6,8	Học khá, chăm
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	7,5	5,0	10,0	5,0		6,3	6,0	6,5	Học khá, chăm
36	Trần Thị Thanh Trúc	8,5	5,0	5,0	10,0		4,8	6,0	6,2	Học được, chăm
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,0	6,5	7,0	10,0		5,5	8,0	7,4	Học khá, chăm,ngoan
38	Võ Đại Vệ	9,0	6,0	10,0	5,0		5,5	7,6	7,1	Học khá, chăm,ngoan
39	Phạm Quốc Việt	8,5	5,0	5,0	10,0		6,8	8,0	7,3	Học khá, chăm,ngoan
40	Ngô Thảo Vy	6,5	6,0	6,0	10,0		4,5	5,6	6,0	Học được, chăm
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	9,0	7,0	10,0	9,0		7,0	8,4	8,2	Giỏi, chăm, ngoan
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	8,0	6,0	7,0	10,0		5,8	7,8	7,3	Học khá, chăm,ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh Giang

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 25/48

HỌC KỲ I												
Giáo dục kinh tế và pháp luật (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Trần Thị Ngọc Anh	9,0	8,0	9,0			9,5	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
2	Ngô Thị Thanh Hà	9,0	9,0	8,0			9,5	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
3	Phạm Thị Thu Hà	9,0	9,0	8,0			9,5	9,0	9,0	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
4	Lê Thanh Hải	9,0	8,0	9,0			9,5	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	8,0	9,0			9,0	9,3	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
6	Phan Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	8,0			9,0	9,3	9,0	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
7	Tạ Văn Hậu	9,0	8,0	9,0			9,5	9,0	9,0	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
8	Lê Thị Thu Hiền	9,0	9,0	8,0			9,5	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
9	Lê Ngọc Huy	9,0	9,0	8,0			9,0	9,3	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
10	Lê Anh Kiệt	9,0	9,0	9,0			9,0	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	9,0	9,0	9,0			9,0	9,0	9,0	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	9,0	9,0	8,0			9,5	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
13	Trần Thị Thủy Minh	9,0	9,0	9,0			9,0	9,3	9,1	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
14	Lương Huỳnh Hải My	9,0	9,0	10,0			9,5	9,0	9,3	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
15	Ngô Văn Thanh Nam	9,0	8,0	9,0			9,5	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	9,0	9,0	8,0			9,5	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	9,0	9,0	9,0			9,5	9,0	9,1	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	9,0	9,0	8,0			9,5	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
19	Tạ Văn Nhân	9,0	9,0	8,0			9,5	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
20	Võ Thị Yến Nhi	9,0	9,0	8,0			9,0	9,3	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
21	Trần Thị Nhiên	9,0	9,0	9,0			9,0	9,0	9,0	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
22	Dư Thị Phi Nhung	9,0	8,0	8,0			9,5	9,3	9,0	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
23	Bùi Hồng Như	9,0	8,0	9,0			9,5	9,0	9,0	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	9,0	9,0	9,0			9,5	9,0	9,1	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
25	Trần Lê Hạnh Phúc	9,0	8,0	8,0			9,0					
26	Võ Thanh Tâm	9,0	8,0	8,0			9,5	9,0	8,9	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
27	Trương Hữu Thành	9,0	8,0	9,0			9,0	9,0	8,9	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	9,0	9,0	8,0			9,5	9,0	9,0	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
29	Đặng Tuyết Thảo	9,0	9,0	8,0			9,0	9,3	9,0	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
30	Võ Thị Cẩm Tiên	9,0	9,0	9,0			9,0	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
31	Trần Kim Thủy Tiên	9,0	9,0	8,0			9,5	9,3	9,1	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
32	Nguyễn Phan Thy Trang	9,0	9,0	9,0			9,0	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
33	Nguyễn Phát Triển	9,0	8,0	9,0			9,5	9,0	9,0	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	9,0	9,0	9,0			9,0	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	9,0	9,0	9,0			9,0	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
36	Trần Thị Thanh Trúc	9,0	9,0	9,0			9,0	9,3	9,1	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	9,0	9,0	9,0			9,0	9,3	9,1	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
38	Võ Đại Vệ	9,0	8,0	9,0			9,0	9,3	9,0	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
39	Phạm Quốc Việt	9,0	8,0	9,8			9,5	9,0	9,1	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
40	Ngô Thảo Vy	9,0	9,0	9,0			9,0	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.		
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	9,0	9,0	10,0			9,5	9,0	9,3	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	9,0	9,0	8,0			9,0	9,3	9,0	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.		

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Nguyễn Hoàng Thủy Vy

Giáo dục thể chất (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên				Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ		
1	Trần Thị Ngọc Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
2	Ngô Thị Thanh Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
3	Phạm Thị Thu Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
4	Lê Thanh Hải	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
6	Phan Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
7	Tạ Văn Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
8	Lê Thị Thu Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
9	Lê Ngọc Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
10	Lê Anh Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
13	Trần Thị Thùy Minh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
14	Lương Huỳnh Hải My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
15	Ngô Văn Thanh Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
19	Tạ Văn Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
20	Võ Thị Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
21	Trần Thị Nhiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
22	Dư Thị Phi Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
23	Bùi Hồng Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
25	Trần Lê Hạnh Phước	Đ	Đ				Đ	CĐ	CĐ	Chưa tích cực trong tập luyện, cần cố gắng hơn.
26	Võ Thanh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
27	Trương Hữu Thành	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
29	Đặng Tuyết Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
30	Võ Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
31	Trần Kim Thủy Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
32	Nguyễn Phan Thy Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
33	Nguyễn Phát Triển	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
36	Trần Thị Thanh Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
38	Võ Đại Vệ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
39	Phạm Quốc Việt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
40	Ngô Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

Giáo dục địa phương											
HỌC KỲ I											
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)											
STT	Họ và tên	Mức đánh giá								Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)					Thường Xuyên	Giữa kỳ	Cuối kỳ		Học kỳ
1	Trần Thị Ngọc Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
2	Ngô Thị Thanh Hà	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
3	Phạm Thị Thu Hà	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
4	Lê Thanh Hải	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
6	Phan Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
7	Tạ Văn Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
8	Lê Thị Thu Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
9	Lê Ngọc Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
10	Lê Anh Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
13	Trần Thị Thùy Minh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
14	Lương Huỳnh Hải My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
15	Ngô Văn Thanh Nam	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
19	Tạ Văn Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
20	Võ Thị Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
21	Trần Thị Nhiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
22	Dư Thị Phi Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
23	Bùi Hồng Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
25	Trần Lê Hạnh Phúc	Đ	Đ					Đ			
26	Võ Thanh Tâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
27	Trương Hữu Thành	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
29	Đặng Tuyết Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
30	Võ Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
31	Trần Kim Thủy Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
32	Nguyễn Phan Thy Trang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
33	Nguyễn Phát Triển	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
36	Trần Thị Thanh Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
38	Võ Đại Vệ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
39	Phạm Quốc Việt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
40	Ngô Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Nguyễn Hoàng Thuý Vy

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Trần Thị Ngọc Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
2	Ngô Thị Thanh Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
3	Phạm Thị Thu Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
4	Lê Thanh Hải	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
6	Phan Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
7	Tạ Văn Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa
8	Lê Thị Thu Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
9	Lê Ngọc Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
10	Lê Anh Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa
13	Trần Thị Thủy Minh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
14	Lương Huỳnh Hải My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
15	Ngô Văn Thanh Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
19	Tạ Văn Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa
20	Võ Thị Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
21	Trần Thị Nhiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
22	Dư Thị Phi Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
23	Bùi Hồng Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
25	Trần-Lê Hạnh Phúc	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa
26	Võ Thanh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa
27	Trương Hữu Thành	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
29	Đặng Tuyết Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
30	Võ Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.
31	Trần Kim Thủy Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
32	Nguyễn Phan Thy Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
33	Nguyễn Phát Triển	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
36	Trần Thị Thanh Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
38	Võ Đại Vệ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.
39	Phạm Quốc Việt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
40	Ngô Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Quân

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Giáo dục kinh tế và pháp		
1	Trần Thị Ngọc Anh	Đ	Đ	Đ	7,0	8,3	8,0	7,5	8,9	9,2	6,5	7,3	9,0	K	T
2	Ngô Thị Thanh Hà	Đ	Đ	Đ	7,9	8,5	8,3	7,8	8,4	9,7	7,7	8,1	9,0	T	T
3	Phạm Thị Thu Hà	Đ	Đ	Đ	7,7	7,3	7,8	6,4	7,0	9,0	6,5	8,3	9,0	K	T
4	Lê Thanh Hải	Đ	Đ	Đ	8,8	9,3	9,3	7,8	9,5	9,6	8,1	7,3	9,0	T	T
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	7,0	7,8	7,9	6,4	7,6	8,9	6,0	7,4	9,0	K	T
6	Phan Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	7,8	9,1	8,3	7,9	8,6	9,5	7,3	7,7	9,0	K	T
7	Tạ Văn Hậu	Đ	Đ	Đ	8,2	7,0	7,9	6,3	7,8	8,4	8,1	7,6	9,0	K	T
8	Lê Thị Thu Hiền	Đ	Đ	Đ	9,1	9,0	8,3	8,2	9,3	9,6	7,2	7,3	9,0	T	T
9	Lê Ngọc Huy	Đ	Đ	Đ	7,0	7,1	7,7	6,7	8,0	9,3	6,1	8,5	9,0	K	T
10	Lê Anh Kiệt	Đ	Đ	Đ	9,0	7,8	7,7	8,3	8,9	9,6	6,2	7,5	9,0	K	T
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	Đ	Đ	Đ	8,6	7,5	7,4	7,7	7,1	8,8	6,1	8,1	9,0	K	T
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	Đ	Đ	Đ	8,0	7,7	7,1	6,6	8,3	8,9	6,8	7,6	9,0	K	T
13	Trần Thị Thùy Minh	Đ	Đ	Đ	7,1	7,8	7,6	6,7	7,4	9,4	6,7	7,6	9,1	K	T
14	Lương Huỳnh Hải My	Đ	Đ	Đ	9,6	8,6	8,3	9,2	9,3	9,6	8,1	9,1	9,3	T	T
15	Ngô Văn Thanh Nam	Đ	Đ	Đ	7,6	8,6	7,7	7,7	8,2	9,4	6,1	9,0	9,0	K	T
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	8,7	8,7	8,5	7,4	7,0	9,1	6,5	8,2	9,0	T	T
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	Đ	Đ	Đ	7,6	8,0	8,6	6,6	8,3	8,9	6,8	8,3	9,1	T	T
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	Đ	Đ	Đ	7,7	7,5	7,8	7,4	8,4	9,2	6,8	8,0	9,0	K	T
19	Tạ Văn Nhân	Đ	Đ	Đ	7,4	7,2	7,9	6,1	7,8	8,8	7,0	7,1	9,0	K	T
20	Võ Thị Yến Nhi	Đ	Đ	Đ	8,4	7,5	8,6	6,5	7,3	8,5	7,1	8,2	9,0	K	T
21	Trần Thị Nhiên	Đ	Đ	Đ	7,8	8,1	8,3	8,2	8,0	9,3	6,1	8,1	9,0	K	T
22	Dư Thị Phi Nhung	Đ	Đ	Đ	7,3	8,3	7,8	5,8	8,7	9,2	6,7	8,1	9,0	K	T
23	Bùi Hồng Như	Đ	Đ	Đ	7,1	7,3	8,9	6,1	7,7	9,1	7,3	7,3	9,0	K	T
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Đ	Đ	Đ	8,4	9,4	8,9	8,2	9,1	9,8	8,0	9,2	9,1	T	T
25	Trần Lê Hạnh Phúc														
26	Võ Thanh Tâm	Đ	Đ	Đ	8,4	6,8	8,1	6,1	7,1	8,6	7,8	7,4	8,9	K	T
27	Trương Hữu Thành	Đ	Đ	Đ	7,2	7,0	7,8	6,1	7,1	7,9	7,2	7,1	8,9	K	T
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Đ	Đ	Đ	7,2	7,4	7,6	7,1	7,5	9,4	7,6	8,5	9,0	K	T
29	Đặng Tuyết Thảo	Đ	Đ	Đ	8,0	8,6	8,2	7,1	9,0	9,5	7,7	8,1	9,0	T	T
30	Võ Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ	Đ	7,6	8,4	7,3	6,9	8,1	8,9	6,1	7,3	9,0	K	T
31	Trần Kim Thùy Tiên	Đ	Đ	Đ	8,6	7,7	8,5	6,1	8,0	9,1	7,2	7,8	9,1	K	T
32	Nguyễn Phan Thy Trang	Đ	Đ	Đ	8,1	8,5	9,1	6,9	8,1	9,3	8,2	8,4	9,0	T	T
33	Nguyễn Phát Triển	Đ	Đ	Đ	7,1	6,9	8,1	7,0	7,2	9,1	6,9	8,1	9,0	K	T
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	Đ	Đ	Đ	8,6	8,9	9,6	8,0	8,7	9,7	6,8	9,1	9,0	T	T
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	Đ	Đ	Đ	7,7	9,3	8,9	8,3	8,6	9,6	6,5	7,4	9,0	T	T
36	Trần Thị Thanh Trúc	Đ	Đ	Đ	7,0	7,0	8,3	5,8	7,4	8,8	6,2	7,4	9,1	K	T
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ	Đ	7,3	8,2	9,1	6,3	7,4	9,0	7,4	8,1	9,1	K	T
38	Võ Đại Vệ	Đ	Đ	Đ	8,2	8,2	8,0	6,9	8,2	9,4	7,1	7,6	9,0	T	T
39	Phạm Quốc Việt	Đ	Đ	Đ	7,8	6,9	8,0	6,9	7,0	9,3	7,3	7,5	9,1	K	T
40	Ngô Thảo Vy	Đ	Đ	Đ	7,8	8,7	8,6	7,7	8,8	9,5	6,0	9,2	9,0	K	T
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	Đ	Đ	Đ	9,2	9,0	8,8	9,4	9,8	9,8	8,2	9,1	9,3	T	T
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	Đ	Đ	Đ	8,5	8,4	9,1	7,3	8,1	9,4	7,3	8,0	9,0	T	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Thanh Quân

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Trần Thị Ngọc Anh	9,0	8,0	8,0	9,0		6,8	7,8	7,9	7.6			Học khá, chăm ngoan
2	Ngô Thị Thanh Hà	10,0	9,0	10,0	9,0		8,0	7,5	8,5	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
3	Phạm Thị Thu Hà	7,0	8,0	9,0	9,0		7,3	7,0	7,6	7.6			Học khá, chăm ngoan
4	Lê Thanh Hải	9,0	9,0	10,0	10,0		9,3	8,8	9,2	9.1			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	8,0	9,0	9,0		6,3	8,0	7,7	7.5			Học khá, chăm ngoan
6	Phan Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	9,0	10,0		7,5	7,8	8,4	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
7	Tạ Văn Hậu	9,0	10,0	10,0	10,0		8,3	6,8	8,4	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
8	Lê Thị Thu Hiền	9,0	9,0	10,0	10,0		6,3	8,8	8,6	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
9	Lê Ngọc Huy	9,0	7,0	9,0	8,0		5,0	5,8	6,7	6.8			Học được, cần phát huy nhiều hơn
10	Lê Anh Kiệt	9,0	9,0	10,0	9,0		8,8	7,3	8,5	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	10,0	8,0	8,0	10,0		6,3	7,5	7,9	8.1			Học khá, chăm ngoan
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	9,0	8,0	9,0	9,0		8,0	6,3	7,8	7.9			Học khá, chăm ngoan
13	Trần Thị Thủy Minh	9,0	8,0	8,0	7,0		7,0	6,5	7,3	7.2			Học khá, chăm ngoan
14	Lương Huỳnh Hải My	10,0	9,0	9,0	9,0		9,5	8,3	9,0	9.2			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
15	Ngô Văn Thanh Nam	10,0	8,0	10,0	8,0		5,8	7,8	7,9	7.8			Học khá, chăm ngoan
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	9,0	9,0	10,0	10,0		7,0	7,5	8,3	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	9,0	8,0	9,0	9,0		7,8	7,5	8,1	7.9			Học giỏi, chăm ngoan
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	9,0	8,0	9,0	8,0		7,5	8,0	8,1	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
19	Tạ Văn Nhân	9,0	10,0	9,0	9,0		7,3	7,3	8,2	7.9			Học khá, chăm ngoan
20	Võ Thị Yến Nhi	9,0	9,0	8,0	10,0		8,0	8,5	8,6	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
21	Trần Thị Nhiên	9,0	8,0	9,0	8,0		6,8	7,3	7,7	7.7			Học khá, chăm ngoan
22	Dư Thị Phi Nhung	8,0	8,0	9,0	10,0		6,0	8,5	8,1	7.8			Học giỏi, chăm ngoan
23	Bùi Hồng Như	8,0	10,0	9,0	9,0		7,5	7,8	8,3	7.9			Học giỏi, chăm ngoan
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	10,0	9,0	10,0	9,0		8,3	6,5	8,2	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
25	Trần Lê Hạnh Phúc												
26	Võ Thanh Tâm	9,0	8,0	10,0	10,0		7,3	8,3	8,5	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
27	Trương Hữu Thành	9,0	10,0	9,0	6,0		6,5	6,5	7,4	7.3			Học khá, chăm ngoan
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	9,0	8,0	8,0	8,0		6,5	7,0	7,4	7.3			Học khá, chăm ngoan
29	Đặng Tuyết Thảo	9,0	9,0	9,0	10,0		9,3	8,5	9,0	8.7			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
30	Võ Thị Cẩm Tiên	9,0	8,0	9,0	9,0		6,8	7,5	7,9	7.8			Học khá, chăm ngoan
31	Trần Kim Thủy Tiên	7,0	8,0	10,0	10,0		7,3	7,3	7,9	8.1			Học khá, chăm ngoan
32	Nguyễn Phan Thy Trang	9,0	8,0	9,0	10,0		5,3	7,5	7,7	7.8			Học khá, chăm ngoan
33	Nguyễn Phát Triển	10,0	8,0	9,0	9,0		6,0	7,3	7,8	7.6			Học khá, chăm ngoan
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	9,0	9,0	10,0	9,0		9,5	7,5	8,7	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	9,0	9,0	9,0	10,0		7,5	7,3	8,2	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
36	Trần Thị Thanh Trúc	10,0	9,0	8,0	8,0		6,8	7,3	7,8	7.5			Học khá, chăm ngoan
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	9,0	9,0	9,0	10,0		9,3	8,8	9,1	8.5			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
38	Võ Đại Vệ	9,0	8,0	8,0	8,0		6,3	8,0	7,7	7.9			Học khá, chăm ngoan
39	Phạm Quốc Việt	8,0	9,0	7,0	9,0		8,3	7,0	7,8	7.8			Học khá, chăm ngoan
40	Ngô Thảo Vy	9,0	8,0	9,0	9,0		7,8	6,8	7,9	7.9			Học khá, chăm ngoan
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	10,0	9,0	10,0	10,0		8,5	8,0	8,9	9.0			Học giỏi, chăm ngoan
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	9,0	9,0	10,0	10,0		8,3	7,8	8,7	8.6			Học giỏi, chăm ngoan

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Duy Phương

HÓA HỌC (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Trần Thị Ngọc Anh	8,5	8,5	8,0			7,0	7,5	7,7	7.9			Học khá, cố gắng thêm.
2	Ngô Thị Thanh Hà	9,5	8,5	8,0			8,5	6,3	7,7	8.0			Học khá, cố gắng thêm.
3	Phạm Thị Thu Hà	8,0	8,0	7,5			7,0	6,5	7,1	7.2			Học khá, cố gắng thêm.
4	Lê Thanh Hải	9,5	9,0	8,5			8,3	7,5	8,3	8.6			Học tốt, cần phát huy.
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,5	8,5	8,0			7,0	7,5	7,7	7.7			Học khá, cố gắng thêm.
6	Phan Thị Ngọc Hân	10,0	9,5	9,5			7,8	10,0	9,3	9.2			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
7	Tạ Văn Hậu	8,0	8,5	7,5			7,0	7,0	7,4	7.3			Học khá, cố gắng thêm.
8	Lê Thị Thu Hiền	9,5	9,5	9,0			8,5	7,8	8,6	8.7			Học tốt, cần phát huy.
9	Lê Ngọc Huy	8,5	8,5	7,5			6,5	7,3	7,4	7.3			Học khá, cố gắng thêm.
10	Lê Anh Kiệt	8,5	9,0	8,0			7,7	8,5	8,3	8.1			Học tốt, cần phát huy.
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	9,0	8,0	8,0			5,5	6,5	6,9	7.1			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	9,0	8,5	8,0			6,5	7,8	7,7	7.7			Học khá, cố gắng thêm.
13	Trần Thị Thủy Minh	8,5	8,5	8,0			7,3	7,0	7,6	7.7			Học khá, cố gắng thêm.
14	Lương Huỳnh Hải My	9,0	9,0	8,0			6,8	8,0	8,0	8.2			Học tốt, cần phát huy.
15	Ngô Văn Thanh Nam	9,0	8,5	8,0			7,8	7,0	7,8	8.1			Học khá, cố gắng thêm.
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	9,0	8,5	8,0			6,5	8,0	7,8	8.1			Học khá, cố gắng thêm.
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	9,5	9,0	8,5			7,0	8,8	8,4	8.3			Học tốt, cần phát huy.
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	9,0	8,5	8,0			6,3	8,0	7,8	7.7			Học khá, cố gắng thêm.
19	Tạ Văn Nhân	8,5	8,0	7,5			7,5	6,5	7,3	7.3			Học khá, cố gắng thêm.
20	Võ Thị Yến Nhi	8,5	8,0	7,5			6,3	7,3	7,3	7.4			Học khá, cố gắng thêm.
21	Trần Thị Nhiên	9,5	9,0	8,5			7,0	8,8	8,4	8.3			Học tốt, cần phát huy.
22	Dư Thị Phi Nhung	10,0	9,5	9,0			7,3	9,5	9,0	8.8			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
23	Bùi Hồng Như	8,5	8,0	7,5			6,0	7,5	7,3	7.3			Học khá, cố gắng thêm.
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	9,5	9,5	9,0			8,5	8,5	8,8	9.0			Học tốt, cần phát huy.
25	Trần Lê Hạnh Phúc												
26	Võ Thanh Tâm	9,0	8,0	7,0			4,8	7,8	7,1	7.0			Học khá, cố gắng thêm.
27	Trương Hữu Thành	8,5	8,0	7,0			4,5	7,5	6,9	6.9			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	9,0	8,5	8,0			7,3	8,0	8,0	7.8			Học tốt, cần phát huy.
29	Đặng Tuyết Thảo	9,5	9,5	8,5			8,5	8,0	8,6	8.6			Học tốt, cần phát huy.
30	Võ Thị Cẩm Tiên	9,0	8,5	8,0			6,8	8,0	7,9	8.1			Học khá, cố gắng thêm.
31	Trần Kim Thủy Tiên	8,5	8,5	8,0			7,5	7,5	7,8	7.8			Học khá, cố gắng thêm.
32	Nguyễn Phan Thy Trang	9,0	8,5	8,0			5,8	7,8	7,6	7.9			Học khá, cố gắng thêm.
33	Nguyễn Phát Triển	8,5	8,5	7,5			7,3	7,5	7,7	7.4			Học khá, cố gắng thêm.
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	10,0	9,5	9,0			8,5	9,5	9,3	9.2			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	8,5	8,5	8,5			7,5	7,5	7,9	8.4			Học khá, cố gắng thêm.
36	Trần Thị Thanh Trúc	8,0	8,0	7,0			5,5	6,0	6,5	6.7			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,0	8,0	7,5			5,8	7,0	7,0	7.4			Học khá, cố gắng thêm.
38	Võ Đại Vệ	10,0	9,5	9,0			7,8	9,3	9,0	8.7			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
39	Phạm Quốc Việt	8,0	8,0	7,0			6,5	7,0	7,1	7.0			Học khá, cố gắng thêm.
40	Ngô Thảo Vy	9,5	9,5	9,0			8,3	9,0	9,0	8.9			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	10,0	9,5	9,0			8,3	9,5	9,2	9.1			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	9,5	9,5	9,5			7,0	8,8	8,6	8.5			Học tốt, cần phát huy.

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Lê Tấn Đức

Sinh học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Trần Thị Ngọc Anh	9,0	10,0	10,0			9,3	8,5	9,1	8.7			Học tốt, chăm ngoan, tích cực trong học tập.
2	Ngô Thị Thanh Hà	10,0	9,0	10,0			8,5	8,0	8,8	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
3	Phạm Thị Thu Hà	9,0	8,0	10,0			7,8	8,8	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
4	Lê Thanh Hải	10,0	10,0	10,0			8,5	8,5	9,1	9.2			Học tốt, chăm ngoan, tích cực trong học tập.
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	8,0	10,0			8,5	8,5	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
6	Phan Thị Ngọc Hân	8,0	10,0	10,0			10,0	9,0	9,4	9.0			Học tốt, chăm ngoan, tích cực trong học tập.
7	Tạ Văn Hậu	9,0	9,0	9,0			6,8	9,0	8,5	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
8	Lê Thị Thu Hiền	8,0	8,0	10,0			9,0	8,8	8,8	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
9	Lê Ngọc Huy	9,0	8,0	10,0			7,5	9,0	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
10	Lê Anh Kiệt	9,0	8,0	9,0			8,5	8,8	8,7	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	9,0	8,0	9,0			8,5	9,0	8,8	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	9,0	8,0	10,0			8,5	9,0	8,9	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
13	Trần Thị Thủy Minh	9,0	9,0	10,0			8,8	8,3	8,8	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
14	Lương Huỳnh Hải My	10,0	10,0	10,0			9,8	8,8	9,5	9.1			Học tốt, chăm ngoan, tích cực trong học tập.
15	Ngô Văn Thanh Nam	9,0	8,0	10,0			7,5	8,8	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	9,0	10,0	10,0			6,8	8,8	8,6	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	9,0	9,0	10,0			8,0	8,8	8,8	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	8,0	9,0	9,0			8,0	8,8	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
19	Tạ Văn Nhân	9,0	9,0	8,0			8,0	9,0	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
20	Võ Thị Yến Nhi	8,0	7,0	9,0			8,5	8,5	8,3	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
21	Trần Thị Nhiên	9,0	10,0	10,0			7,8	8,3	8,7	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
22	Dư Thị Phi Nhung	9,0	10,0	10,0			7,8	8,8	8,9	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
23	Bùi Hồng Như	9,0	10,0	8,0			6,8	8,8	8,4	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	10,0	10,0	10,0			10,0	8,0	9,3	9.2			Học tốt, chăm ngoan, tích cực trong học tập.
25	Trần Lê Hạnh Phúc												
26	Võ Thanh Tâm	9,0	7,0	8,0			7,8	9,3	8,4	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
27	Trương Hữu Thành	9,0	7,0	8,0			8,5	9,0	8,5	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	9,0	8,0	10,0			7,8	9,0	8,7	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
29	Đặng Tuyết Thảo	9,0	10,0	10,0			8,8	9,3	9,3	8.9			Học tốt, chăm ngoan, tích cực trong học tập.
30	Võ Thị Cẩm Tiên	9,0	9,0	10,0			8,0	9,0	8,9	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
31	Trần Kim Thủy Tiên	9,0	8,0	9,0			6,8	8,8	8,3	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
32	Nguyễn Phan Thy Trang	8,0	10,0	10,0			9,0	8,8	9,1	9.1			Học tốt, chăm ngoan, tích cực trong học tập.
33	Nguyễn Phát Triển	9,0	10,0	8,0			7,5	8,8	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	9,0	9,0	10,0			10,0	9,0	9,4	9.5			Học tốt, chăm ngoan, tích cực trong học tập.
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	9,0	9,0	10,0			10,0	8,8	9,3	9.2			Học tốt, chăm ngoan, tích cực trong học tập.
36	Trần Thị Thanh Trúc	9,0	9,0	8,0			6,5	9,0	8,3	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	9,0	9,0	10,0			7,5	8,5	8,6	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
38	Võ Đại Vệ	9,0	10,0	8,0			7,5	8,8	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
39	Phạm Quốc Việt	9,0	9,0	8,0			7,5	8,8	8,4	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
40	Ngô Thảo Vy	8,0	10,0	10,0			9,3	8,8	9,1	8.9			Học tốt, chăm ngoan, tích cực trong học tập.
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	9,0	10,0	10,0			9,5	8,5	9,2	9.1			Học tốt, chăm ngoan, tích cực trong học tập.
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	8,0	10,0	10,0			7,5	8,5	8,6	8.8			Học tốt, chăm ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Tràng

HỌC KỲ II Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Trần Thị Ngọc Anh	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	7,5	7,0	8,2	8.0			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
2	Ngô Thị Thanh Hà	10,0	8,0	9,0	9,0	9,0	7,5	7,0	8,1	8.0			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
3	Phạm Thị Thu Hà	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	6,0	6,5	7,6	7.2			Học khá
4	Lê Thanh Hải	10,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,0	8,1	8.0			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	7,0	8,0	8,0	8,0	6,5	7,0	7,3	7.0			Học khá
6	Phan Thị Ngọc Hân	7,0	8,0	9,0	9,0	9,0	8,0	7,5	8,1	8.0			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
7	Tạ Văn Hậu	8,0	8,0	9,0	8,0	5,0	5,5	5,5	6,6	6.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
8	Lê Thị Thu Hiền	8,0	8,0	9,0	9,0	8,0	8,0	8,5	8,4	8.3			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
9	Lê Ngọc Huy	8,0	8,0	8,0	9,0	8,0	6,0	7,0	7,4	7.2			Học khá
10	Lê Anh Kiệt	7,0	9,0	7,0	7,0	5,0	7,5	6,0	6,8	7.3			Học khá
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	8,0	9,0	9,0	9,0	8,0	7,0	7,0	7,8	7.8			Học khá
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	6,0	6,5	7,2	7.0			Học khá
13	Trần Thị Thủy Minh	8,0	8,0	8,0	9,0	8,0	6,0	6,5	7,3	7.1			Học khá
14	Lương Huỳnh Hải My	9,0	10,0	10,0	9,0	9,0	9,5	9,5	9,5	9.4			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
15	Ngô Văn Thanh Nam	10,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,0	7,0	8,2	8.0			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	10,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,5	8,3	8.0			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	8,0	9,0	8,0	7,0	8,0	6,0	6,5	7,2	7.0			Học khá
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	9,0	8,0	9,0	8,0	9,0	8,0	6,0	7,7	7.6			Học khá
19	Tạ Văn Nhân	7,0	8,0	8,0	7,0	8,0	5,5	6,0	6,7	6.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
20	Võ Thị Yến Nhi	8,0	9,0	8,0	8,0	8,0	6,5	6,5	7,4	7.1			Học khá
21	Trần Thị Nhiên	9,0	8,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,5	8,2	8.2			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
22	Dư Thị Phi Nhung	8,0	7,0	8,0	8,0	8,0	5,5	6,0	6,8	6.5			Học khá
23	Bùi Hồng Như	8,0	7,0	8,0	8,0	8,0	5,0	6,0	6,7	6.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	7,0	9,0	10,0	9,0	9,0	7,0	7,0	7,9	8.0			Học khá
25	Trần Lê Hạnh Phúc												
26	Võ Thanh Tâm	7,0	7,0	8,0	7,0	8,0	6,0	6,0	6,7	6.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
27	Trương Hữu Thành	7,0	8,0	7,0	5,0	7,0	5,0	5,0	5,9	6.0			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	8,0	7,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,0	7,4	7.3			Học khá
29	Đặng Tuyết Thảo	10,0	8,0	9,0	9,0	9,0	7,5	7,0	8,1	7.8			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
30	Võ Thị Cẩm Tiên	7,0	8,0	9,0	9,0	8,0	7,0	7,5	7,8	7.5			Học khá
31	Trần Kim Thủy Tiên	8,0	8,0	8,0	9,0	9,0	5,0	5,0	6,7	6.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
32	Nguyễn Phan Thy Trang	8,0	9,0	10,0	9,0	9,0	7,5	7,5	8,3	7.8			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
33	Nguyễn Phát Triển	7,0	8,0	9,0	8,0	8,0	6,0	6,0	7,0	7.0			Học khá
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	10,0	9,0	10,0	9,0	9,0	6,5	7,0	8,1	8.1			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	8,0	9,0	10,0	9,0	9,0	7,5	8,0	8,4	8.4			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
36	Trần Thị Thanh Trúc	7,0	7,0	8,0	8,0	8,0	5,0	5,0	6,3	6.1			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,0	9,0	8,0	8,0	8,0	7,0	6,5	7,5	7.1			Học khá
38	Võ Đại Vệ	7,0	9,0	7,0	8,0	8,0	7,0	6,0	7,1	7.0			Học khá
39	Phạm Quốc Việt	8,0	9,0	8,0	5,0	8,0	7,0	6,5	7,2	7.1			Học khá
40	Ngô Thảo Vy	8,0	10,0	9,0	9,0	9,0	6,5	7,5	8,1	8.0			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	10,0	10,0	10,0	9,0	9,0	9,5	9,5	9,6	9.5			Học giỏi , có tinh thần học tập tốt
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	8,0	9,0	8,0	8,0	9,0	7,0	7,0	7,7	7.6			Học khá

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Vân

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Trần Thị Ngọc Anh	9,0	9,0	10,0	9,0		8,3	9,8	9,2	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
2	Ngô Thị Thanh Hà	8,0	9,0	9,0	9,0		9,0	9,8	9,2	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
3	Phạm Thị Thu Hà	7,0	9,0	9,0	9,0		8,8	9,5	8,9	8.3			Chăm ngoan.
4	Lê Thanh Hải	9,0	10,0	10,0	9,0		9,8	9,3	9,5	9.5			Học tốt, chăm ngoan.
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	8,0	9,0	9,0		7,0	9,3	8,4	8.1			Chăm ngoan.
6	Phan Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	10,0	9,0		9,3	10,0	9,4	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
7	Tạ Văn Hậu	9,0	8,0	8,0	9,0		9,0	9,8	9,0	8.6			Chăm ngoan.
8	Lê Thị Thu Hiền	9,0	10,0	9,0	10,0		9,0	9,5	9,4	9.4			Chăm ngoan.
9	Lê Ngọc Huy	8,0	8,0	9,0	9,0		9,8	9,0	9,0	8.7			Chăm ngoan.
10	Lê Anh Kiệt	9,0	9,0	10,0	10,0		10,0	9,5	9,6	9.4			Học tốt chăm ngoan.
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	8,0	9,0	9,0	9,0		8,5	8,0	8,4	8.0			Chăm ngoan.
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	8,0	9,0	8,0	9,0		9,3	9,0	8,8	8.6			Chăm ngoan.
13	Trần Thị Thủy Minh	7,0	9,0	8,0	9,0		8,5	8,3	8,3	8.0			Chăm ngoan.
14	Lương Huỳnh Hải My	9,0	10,0	10,0	10,0		9,5	9,5	9,6	9.5			Học tốt, tinh thần học tập tốt, năng động.
15	Ngô Văn Thanh Nam	9,0	9,0	9,0	9,0		10,0	9,0	9,2	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	9,0	8,0	9,0	9,0		9,0	9,3	9,0	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	9,0	8,0	8,0	9,0		8,0	9,0	8,6	8.5			Chăm ngoan.
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	9,0	9,0	9,0	9,0		9,5	9,0	9,1	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
19	Tạ Văn Nhân	9,0	9,0	8,0	8,0		9,0	9,0	8,8	8.5			Chăm ngoan.
20	Võ Thị Yến Nhi	10,0	10,0	10,0	8,0		8,0	7,0	8,3	8.0			Có cố gắng trong học tập.
21	Trần Thị Nhiên	9,0	9,0	10,0	9,0		9,8	9,3	9,4	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
22	Dư Thị Phi Nhung	9,0	8,0	9,0	9,0		7,0	9,5	8,6	8.6			Chăm ngoan
23	Bùi Hồng Như	9,0	9,0	9,0	9,0		8,3	9,5	9,0	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	9,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,5	9,7	9.5			Học tốt, tinh thần học tập tốt, năng động.
25	Trần Lê Hạnh Phúc												
26	Võ Thanh Tâm	8,0	9,0	9,0	9,0		9,8	8,0	8,7	8.2			Chăm ngoan.
27	Trương Hữu Thành	10,0	10,0	9,0	10,0		9,0	7,5	8,8	8.2			Chăm ngoan.
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	9,0	9,0	8,0	9,0		9,0	9,0	8,9	8.4			Chăm, ngoan.
29	Đặng Tuyết Thảo	9,0	9,0	9,0	10,0		9,8	9,8	9,6	9.4			Học tốt, chăm ngoan.
30	Võ Thị Cẩm Tiên	9,0	8,0	9,0	9,0		8,8	9,0	8,8	8.6			Chăm, ngoan.
31	Trần Kim Thủy Tiên	8,0	9,0	8,0	9,0		9,5	9,0	8,9	8.6			Chăm, ngoan.
32	Nguyễn Phan Thy Trang	9,0	8,0	9,0	9,0		9,5	9,8	9,3	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
33	Nguyễn Phát Triển	8,0	9,0	9,0	9,0		8,5	9,8	9,0	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	9,0	9,0	9,0	10,0		10,0	9,5	9,5	9.2			Học tốt, chăm ngoan.
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	9,0	10,0	10,0	9,0		9,5	10,0	9,7	9.3			Học tốt, chăm ngoan.
36	Trần Thị Thanh Trúc	10,0	10,0	10,0	9,0		7,5	8,5	8,8	8.3			Chăm, ngoan.
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	9,0	8,0	9,0	9,0		8,5	9,3	8,9	8.4			Chăm, ngoan.
38	Võ Đại Vệ	8,0	9,0	9,0	9,0		9,5	9,3	9,1	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
39	Phạm Quốc Việt	8,0	9,0	9,0	9,0		8,5	9,0	8,8	8.2			Chăm ngoan.
40	Ngô Thảo Vy	10,0	9,0	9,0	9,0		9,5	9,8	9,5	9.3			Học tốt, chăm ngoan.
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	9,0	10,0	10,0	10,0		9,5	10,0	9,8	9.8			Học tốt, tinh thần học tập tốt, năng động.
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	9,0	9,0	9,0	9,0		9,3	9,3	9,2	8.8			Học tốt, chăm ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ II													
Địa Lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Trần Thị Ngọc Anh	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.3			Chăm ngoan, học tốt
2	Ngô Thị Thanh Hà	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	9.2			Chăm ngoan, học tốt
3	Phạm Thị Thu Hà	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	9.0			Chăm ngoan, học tốt
4	Lê Thanh Hải	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.4			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức tự giác học tập
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	9.0			Chăm ngoan, học tốt
6	Phan Thị Ngọc Hân	10,0	10,0	10,0			9,0	9,0	9,4	9.4			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức tự giác học tập
7	Tạ Văn Hậu	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	8.8			Chăm ngoan, học tốt
8	Lê Thị Thu Hiền	10,0	10,0	10,0			9,0	9,0	9,4	9.5			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
9	Lê Ngọc Huy	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	9.1			Chăm ngoan, học tốt
10	Lê Anh Kiệt	8,0	10,0	8,0			9,0	9,0	8,9	9.1			Chăm ngoan, học kỹ 2 học xuống, cần cố gắng hơn nữa.
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.1			Chăm ngoan, học tốt
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	10,0	10,0	8,0			9,0	9,8	9,4	9.2			Chăm ngoan, học tốt, có nhiều tiến bộ trong học tập
13	Trần Thị Thủy Minh	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.3			Chăm ngoan, học tốt
14	Lương Huỳnh Hải My	10,0	10,0	10,0			10,0	9,8	9,9	9.8			Chăm chỉ, siêng năng, học tập tốt
15	Ngô Văn Thanh Nam	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	9.1			Chăm ngoan, học tốt
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	9.0			Chăm ngoan, học tốt
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	9.0			Chăm ngoan, học tốt
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	9,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,1	9.1			Chăm ngoan, học tốt
19	Tạ Văn Nhân	9,0	10,0	9,0			9,0	8,5	8,9	8.9			Chăm ngoan, học tốt, cần cố gắng nhiều hơn nữa
20	Võ Thị Yến Nhi	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.0			Chăm ngoan, học tốt
21	Trần Thị Nhiên	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.3			Chăm ngoan, học tốt
22	Dư Thị Phi Nhung	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	9.1			Chăm ngoan, học tốt
23	Bùi Hồng Như	10,0	10,0	9,0			9,5	9,0	9,4	9.3			Chăm ngoan, học tốt, có nhiều tiến bộ trong học tập
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	9,0	10,0	9,0			10,0	9,8	9,7	9.7			Chăm ngoan, học tốt
25	Trần Lê Hạnh Phúc												
26	Võ Thanh Tâm	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.1			Chăm ngoan, học tốt
27	Trương Hữu Thành	10,0	10,0	9,0			9,5	9,3	9,5	9.0			Chăm ngoan, học tốt, cần cố gắng hơn nữa
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	9.1			Chăm ngoan, học tốt, cần nâng động hơn nữa
29	Đặng Tuyết Thảo	10,0	10,0	10,0			10,0	9,8	9,9	9.8			Chăm chỉ, siêng năng, học tập tốt
30	Võ Thị Cẩm Tiên	9,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,1	9.0			Chăm ngoan, học tốt
31	Trần Kim Thủy Tiên	8,0	10,0	8,0			9,0	9,0	8,9	9.0			Chăm ngoan, học tốt
32	Nguyễn Phan Thy Trang	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.3			Chăm ngoan, học tốt
33	Nguyễn Phát Triển	9,0	10,0	9,0			9,0	8,5	8,9	9.0			Chăm ngoan, học tương đối tốt, cần cố gắng hơn nữa
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	10,0	10,0	10,0			9,0	9,0	9,4	9.5			Chăm ngoan, học tốt
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	10,0	10,0	9,0			10,0	10,0	9,9	9.8			Chăm chỉ, siêng năng, học tập tốt
36	Trần Thị Thanh Trúc	10,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,7	9.4			Chăm ngoan, cần cố gắng nhiều hơn nữa
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.2			Chăm ngoan, học tốt
38	Võ Đại Vệ	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.3			Chăm ngoan, học tốt
39	Phạm Quốc Việt	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.3			Chăm ngoan, học tốt
40	Ngô Thảo Vy	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.4			Chăm ngoan, học tốt
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	10,0	10,0	10,0			10,0	9,8	9,9	9.9			Chăm chỉ, siêng năng, học tập tốt
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	9.3			Chăm ngoan, học tốt

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Quân

HỌC KỲ II														
Ngoại ngữ 1		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Trần Thị Ngọc Anh	9,0	9,0	9,0	10,0		6,5	6,9	7,9	7.4			Học khá, chăm, ngoan	
2	Ngô Thị Thanh Hà	9,5	10,0	9,0	10,0		5,5	6,9	7,8	7.8			Học khá, chăm, ngoan	
3	Phạm Thị Thu Hà	8,5	9,0	8,0	10,0		5,0	8,1	7,8	7.4			Học khá, chăm,ngoan	
4	Lê Thanh Hải	10,0	9,0	9,0	10,0		5,5	9,0	8,4	8.3			Giỏi, chăm , ngoan	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	10,0	7,0	7,5		4,5	6,5	6,8	6.5			Học khá, chăm	
6	Phan Thị Ngọc Hân	7,0	10,0	9,0	9,0		6,3	8,3	8,1	7.8			Giỏi, ngoan	
7	Tạ Văn Hậu	9,0	9,0	9,0	10,0		8,0	7,2	8,3	8.2			Giỏi, chăm , ngoan	
8	Lê Thị Thu Hiền	9,5	9,0	9,0	10,0		5,8	8,6	8,3	7.9			Giỏi, chăm, ngoan	
9	Lê Ngọc Huy	8,5	8,0	10,0	8,5		6,5	6,9	7,6	7.1			Học khá, chăm, ngoan	
10	Lê Anh Kiệt	10,0	9,0	9,5	10,0		6,0	8,2	8,3	7.6			Giỏi, chăm, ngoan	
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	9,0	8,0	10,0	9,5		6,5	5,7	7,4	7.0			Học khá, chăm	
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	8,5	9,0	9,0	8,5		6,8	7,7	8,0	7.6			Giỏi, chăm	
13	Trần Thị Thủy Minh	9,0	9,0	9,0	9,0		6,5	7,7	8,0	7.6			Giỏi, chăm	
14	Lương Huỳnh Hải My	8,0	8,5	10,0	9,5		7,8	9,4	8,9	8.6			Giỏi, chăm, ngoan	
15	Ngô Văn Thanh Nam	7,0	7,0	8,0	10,0		4,5	6,4	6,7	6.5			Học khá, chăm	
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	10,0	9,0	9,5	10,0		5,3	7,7	8,0	7.5			Giỏi , chăm	
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	9,5	9,5	7,0	10,0		6,8	6,5	7,7	7.4			Học khá, chăm, ngoan	
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	9,0	9,0	9,0	10,0		5,6	6,9	7,7	7.4			Học khá, chăm, ngoan	
19	Tạ Văn Nhân	7,5	10,0	8,5	10,0		8,5	6,9	8,2	7.8			Giỏi, chăm	
20	Võ Thị Yến Nhi	7,5	8,0	8,5	10,0		8,3	8,5	8,5	8.0			Giỏi, chăm	
21	Trần Thị Nhiên	10,0	9,0	9,5	10,0		6,3	6,8	7,9	7.3			Học khá, chăm, ngoan	
22	Dư Thị Phi Nhung	8,0	9,0	8,0	10,0		6,3	6,9	7,6	7.3			Học khá, chăm, ngoan	
23	Bùi Hồng Như	7,5	8,5	9,0	9,5		7,5	7,3	7,9	7.7			Học khá, chăm, ngoan	
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	9,0	9,0	9,0	10,0		8,0	8,8	8,8	8.5			Giỏi, chăm, ngoan	
25	Trần Lê Hạnh-Phúc													
26	Võ Thanh Tâm	7,0	7,0	10,0	9,0		4,5	6,6	6,9	7.2			Học khá, chăm	
27	Trương Hữu Thành	7,0	9,0	10,0	10,0		7,0	6,0	7,6	7.5			Học khá, chăm, ngoan	
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	8,5	9,0	8,0	9,0		5,5	8,1	7,8	7.7			Học khá, chăm, ngoan	
29	Đặng Tuyết Thảo	7,0	8,0	9,5	10,0		6,5	7,9	7,9	7.8			Học khá, chăm, ngoan	
30	Võ Thị Cẩm Tiên	10,0	10,0	10,0	9,5		8,3	6,1	8,3	7.6			Giỏi, chăm	
31	Trần Kim Thủy Tiên	8,5	9,0	10,0	9,5		5,8	8,3	8,2	7.9			Giỏi, chăm	
32	Nguyễn Phan Thy Trang	10,0	9,0	8,0	10,0		8,5	7,1	8,4	8.3			Giỏi, chăm	
33	Nguyễn Phát Triển	10,0	9,0	9,5	9,5		7,0	6,0	7,8	7.5			Học khá, chăm, ngoan	
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	9,0	8,0	9,0	10,0		7,8	8,6	8,6	8.0			Giỏi, chăm, ngoan	
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	9,0	10,0	9,0	8,0		6,0	7,9	8,0	7.5			Giỏi, chăm	
36	Trần Thị Thanh Trúc	9,0	10,0	10,0	9,0		7,5	6,8	8,2	7.5			Học khá, chăm	
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	6,5	9,0	9,5	10,0		5,8	8,5	8,0	7.8			Giỏi, chăm	
38	Võ Đại Vệ	7,5	10,0	8,0	9,5		6,5	7,1	7,7	7.5			Học khá, chăm	
39	Phạm Quốc Việt	8,5	9,0	7,5	9,0		6,8	7,1	7,7	7.6			Học khá, chăm	
40	Ngô Thảo Vy	9,0	9,5	10,0	10,0		6,8	8,3	8,6	7.7			Giỏi, chăm, ngoan	
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	9,0	9,0	9,0	10,0		7,8	9,4	9,0	8.7			Giỏi, chăm, ngoan	
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	10,0	9,0	9,5	10,0		6,0	7,1	8,0	7.8			Giỏi, chăm	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh Giang

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hằng

Học Kỳ II

Giáo dục kinh tế và pháp luật (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)														
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Trần Thị Ngọc Anh	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Chăm ngoan, học tốt.	
2	Ngô Thị Thanh Hà	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Có cố gắng, chăm Ngoan.	
3	Phạm Thị Thu Hà	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Lễ phép, học tốt.	
4	Lê Thanh Hải	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.	
6	Phan Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.	
7	Tạ Văn Hậu	9,0	9,0	9,0			9,3	9,5	9,3	9,2			Lễ phép, học tốt.	
8	Lê Thị Thu Hiền	9,0	9,0	9,0			9,8	9,8	9,5	9,3			Có cố gắng, chăm Ngoan.	
9	Lê Ngọc Huy	9,0	9,0	9,0			9,5	9,5	9,3	9,2			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
10	Lê Anh Kiệt	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	9,0	9,0	9,0			9,3	9,8	9,4	9,3			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	9,0	9,0	9,0			9,3	9,5	9,3	9,2			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
13	Trần Thị Thủy Minh	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Có cố gắng, chăm Ngoan.	
14	Lương Huỳnh Hải My	9,0	9,0	9,0			9,8	9,8	9,5	9,4			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
15	Ngô Văn Thanh Nam	9,0	9,0	9,0			9,3	9,8	9,4	9,3			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.	
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.	
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.	
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
19	Tạ Văn Nhân	9,0	9,0	9,0			9,3	9,5	9,3	9,2			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
20	Võ Thị Yến Nhi	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
21	Trần Thị Nhiên	9,0	9,0	9,0			9,5	9,5	9,3	9,2			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.	
22	Dư Thị Phi Nhung	9,0	9,0	9,0			9,5	9,5	9,3	9,2			Có cố gắng, chăm Ngoan.	
23	Bùi Hồng Như	9,0	9,0	9,0			9,5	9,5	9,3	9,2			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.	
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
25	Trần Lê Hạnh Phúc													
26	Võ Thanh Tâm	9,0	9,0	9,0			9,3	9,5	9,3	9,2			Có cố gắng, chăm Ngoan.	
27	Trương Hữu Thành	9,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,8	9,5			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
29	Đặng Tuyết Thảo	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.	
30	Võ Thị Cẩm Tiên	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Có cố gắng, chăm Ngoan.	
31	Trần Kim Thủy Tiên	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
32	Nguyễn Phan Thy Trang	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.	
33	Nguyễn Phát Triển	9,0	9,0	9,0			9,3	9,5	9,3	9,2			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Có cố gắng, chăm Ngoan.	
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
36	Trần Thị Thanh Trúc	9,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,8	9,6			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.	
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.	
38	Võ Đại Vệ	9,0	9,0	9,0			9,5	9,5	9,3	9,2			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
39	Phạm Quốc Việt	9,0	9,0	9,0			9,3	9,5	9,3	9,2			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
40	Ngô Thảo Vy	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.	
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	9,0	9,0	9,0			9,8	9,8	9,5	9,4			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	9,0	9,0	9,0			9,5	9,8	9,4	9,3			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.	

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Nguyễn Hoàng Thuý Vy

Giáo dục thể chất														HỌC KỲ II													
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)																											
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú													
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																									
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại															
Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)																											
1	Trần Thị Ngọc Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
2	Ngô Thị Thanh Hà	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
3	Phạm Thị Thu Hà	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
4	Lê Thanh Hải	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
6	Phan Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
7	Tạ Văn Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
8	Lê Thị Thu Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
9	Lê Ngọc Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
10	Lê Anh Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
13	Trần Thị Thủy Minh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
14	Lương Huỳnh Hải My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
15	Ngô Văn Thanh Nam	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
19	Tạ Văn Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
20	Võ Thị Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
21	Trần Thị Nhiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
22	Dư Thị Phi Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
23	Bùi Hồng Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
25	Trần Lê Hạnh Phúc																										
26	Võ Thanh Tâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
27	Trương Hữu Thành	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
29	Đặng Tuyết Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
30	Võ Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
31	Trần Kim Thủy Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
32	Nguyễn Phan Thy Trang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
33	Nguyễn Phát Triển	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
36	Trần Thị Thanh Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
38	Võ Đại Vệ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
39	Phạm Quốc Việt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
40	Ngô Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ					Tập luyện tốt											

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

HỌC KỲ II													
Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá										Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)											
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)											Học kỳ	Cuối năm	
1	Trần Thị Ngọc Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
2	Ngô Thị Thanh Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
3	Phạm Thị Thu Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
4	Lê Thanh Hải	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
6	Phan Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
7	Tạ Văn Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
8	Lê Thị Thu Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
9	Lê Ngọc Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
10	Lê Anh Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
13	Trần Thị Thủy Minh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
14	Lương Huỳnh Hải My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
15	Ngô Văn Thanh Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
19	Tạ Văn Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
20	Võ Thị Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
21	Trần Thị Nhiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
22	Dư Thị Phi Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
23	Bùi Hồng Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
25	Trần Lê Hạnh Phúc												
26	Võ Thanh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
27	Trương Hữu Thành	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
29	Đặng Tuyết Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
30	Võ Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
31	Trần Kim Thủy Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
32	Nguyễn Phan Thy Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
33	Nguyễn Phát Triển	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
36	Trần Thị Thanh Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
38	Võ Đại Vệ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
39	Phạm Quốc Việt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
40	Ngô Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II													
														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú													
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																									
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại															
Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)												Học kỳ	Cuối năm														
1	Trần Thị Ngọc Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập													
2	Ngô Thị Thanh Hà	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
3	Phạm Thị Thu Hà	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
4	Lê Thanh Hải	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập													
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
6	Phan Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập													
7	Tạ Văn Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
8	Lê Thị Thu Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập													
9	Lê Ngọc Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
10	Lê Anh Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt, có nhiều tiến bộ													
13	Trần Thị Thủy Minh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
14	Lương Huỳnh Hải My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập													
15	Ngô Văn Thanh Nam	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
19	Tạ Văn Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
20	Võ Thị Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
21	Trần Thị Nhiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
22	Dư Thị Phi Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
23	Bùi Hồng Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt, có nhiều tiến bộ													
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
25	Trần Lê Hạnh-Phúc																										
26	Võ Thanh Tâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
27	Trương Hữu Thành	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
29	Đặng Tuyết Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập													
30	Võ Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
31	Trần Kim Thủy Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
32	Nguyễn Phan Thy Trang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
33	Nguyễn Phát Triển	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập													
36	Trần Thị Thanh Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, cần phải cố gắng nhiều hơn nữa													
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
38	Võ Đại Vệ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
39	Phạm Quốc Việt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
40	Ngô Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Quân

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Giáo dục kinh tế và pháp		
1	Trần Thị Ngọc Anh	Đ	Đ	Đ	7,9	7,7	9,1	8,2	9,2	9,3	7,9	9,0	9,4	T	T
2	Ngô Thị Thanh Hà	Đ	Đ	Đ	8,5	7,7	8,8	8,1	9,2	9,0	7,8	9,1	9,4	T	T
3	Phạm Thị Thu Hà	Đ	Đ	Đ	7,6	7,1	8,6	7,6	8,9	9,0	7,8	8,9	9,4	K	T
4	Lê Thanh Hải	Đ	Đ	Đ	9,2	8,3	9,1	8,1	9,5	9,3	8,4	9,0	9,4	T	T
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	7,7	7,7	8,6	7,3	8,4	9,0	6,8	9,1	9,4	K	T
6	Phan Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	8,4	9,3	9,4	8,1	9,4	9,4	8,1	9,0	9,4	T	T
7	Tạ Văn Hậu	Đ	Đ	Đ	8,4	7,4	8,5	6,6	9,0	9,0	8,3	9,0	9,3	T	T
8	Lê Thị Thu Hiền	Đ	Đ	Đ	8,6	8,6	8,8	8,4	9,4	9,4	8,3	9,1	9,5	T	T
9	Lê Ngọc Huy	Đ	Đ	Đ	6,7	7,4	8,6	7,4	9,0	9,0	7,6	8,6	9,3	K	T
10	Lê Anh Kiệt	Đ	Đ	Đ	8,5	8,3	8,7	6,8	9,6	8,9	8,3	9,1	9,4	T	T
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	Đ	Đ	Đ	7,9	6,9	8,8	7,8	8,4	9,3	7,4	9,1	9,4	K	T
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	Đ	Đ	Đ	7,8	7,7	8,9	7,2	8,8	9,4	8,0	9,7	9,3	T	T
13	Trần Thị Thùy Minh	Đ	Đ	Đ	7,3	7,6	8,8	7,3	8,3	9,3	8,0	8,7	9,4	T	T
14	Lương Huỳnh Hải My	Đ	Đ	Đ	9,0	8,0	9,5	9,5	9,6	9,9	8,9	9,3	9,5	T	T
15	Ngô Văn Thanh Nam	Đ	Đ	Đ	7,9	7,8	8,6	8,2	9,2	9,0	6,7	9,0	9,4	T	T
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	8,3	7,8	8,6	8,3	9,0	9,0	8,0	8,7	9,4	T	T
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	Đ	Đ	Đ	8,1	8,4	8,8	7,2	8,6	9,0	7,7	8,7	9,4	T	T
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	Đ	Đ	Đ	8,1	7,8	8,6	7,7	9,1	9,1	7,7	9,0	9,4	T	T
19	Tạ Văn Nhân	Đ	Đ	Đ	8,2	7,3	8,6	6,7	8,8	8,9	8,2	8,9	9,3	T	T
20	Võ Thị Yến Nhi	Đ	Đ	Đ	8,6	7,3	8,3	7,4	8,3	9,3	8,5	8,7	9,4	T	T
21	Trần Thị Nhiên	Đ	Đ	Đ	7,7	8,4	8,7	8,2	9,4	9,3	7,9	9,4	9,3	T	T
22	Dư Thị Phi Nhung	Đ	Đ	Đ	8,1	9,0	8,9	6,8	8,6	9,0	7,6	9,1	9,3	T	T
23	Bùi Hồng Như	Đ	Đ	Đ	8,3	7,3	8,4	6,7	9,0	9,4	7,9	9,0	9,3	T	T
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Đ	Đ	Đ	8,2	8,8	9,3	7,9	9,7	9,7	8,8	9,6	9,4	T	T
25	Trần Lê Hạnh Phúc														
26	Võ Thanh Tâm	Đ	Đ	Đ	8,5	7,1	8,4	6,7	8,7	9,3	6,9	8,7	9,3	T	T
27	Trương Hữu Thành	Đ	Đ	Đ	7,4	6,9	8,5	5,9	8,8	9,5	7,6	9,0	9,8	K	K
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Đ	Đ	Đ	7,4	8,0	8,7	7,4	8,9	9,0	7,8	9,0	9,4	T	T
29	Đặng Tuyết Thảo	Đ	Đ	Đ	9,0	8,6	9,3	8,1	9,6	9,9	7,9	9,0	9,4	T	T
30	Võ Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ	Đ	7,9	7,9	8,9	7,8	8,8	9,1	8,3	9,0	9,4	T	T
31	Trần Kim Thùy Tiên	Đ	Đ	Đ	7,9	7,8	8,3	6,7	8,9	8,9	8,2	8,9	9,4	T	T
32	Nguyễn Phan Thy Trang	Đ	Đ	Đ	7,7	7,6	9,1	8,3	9,3	9,3	8,4	9,1	9,4	T	T
33	Nguyễn Phát Triển	Đ	Đ	Đ	7,8	7,7	8,6	7,0	9,0	8,9	7,8	8,9	9,3	K	T
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	Đ	Đ	Đ	8,7	9,3	9,4	8,1	9,5	9,4	8,6	9,3	9,4	T	T
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	Đ	Đ	Đ	8,2	7,9	9,3	8,4	9,7	9,9	8,0	9,9	9,4	T	T
36	Trần Thị Thanh Trúc	Đ	Đ	Đ	7,8	6,5	8,3	6,3	8,8	9,7	8,2	9,1	9,8	K	T
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ	Đ	9,1	7,0	8,6	7,5	8,9	9,3	8,0	8,7	9,4	T	T
38	Võ Đại Vệ	Đ	Đ	Đ	7,7	9,0	8,6	7,1	9,1	9,3	7,7	9,4	9,3	T	T
39	Phạm Quốc Việt	Đ	Đ	Đ	7,8	7,1	8,4	7,2	8,8	9,3	7,7	9,0	9,3	K	T
40	Ngô Thảo Vy	Đ	Đ	Đ	7,9	9,0	9,1	8,1	9,5	9,3	8,6	9,3	9,4	T	T
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	Đ	Đ	Đ	8,9	9,2	9,2	9,6	9,8	9,9	9,0	9,3	9,5	T	T
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	Đ	Đ	Đ	8,7	8,6	8,6	7,7	9,2	9,3	8,0	8,7	9,4	T	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Thanh Quân

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Trần Thị Ngọc Anh	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Tổng số học sinh: 41
2	Ngô Thị Thanh Hà	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
3	Phạm Thị Thu Hà	T	K				Đủ ĐK thi TN THPT			
4	Lê Thanh Hải	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	T	K			4	Đủ ĐK thi TN THPT			
6	Phan Thị Ngọc Hân	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	- Đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT: 41 trong đó 0 học sinh Đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè.
7	Tạ Văn Hậu	T	T			3	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
8	Lê Thị Thu Hiền	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
9	Lê Ngọc Huy	T	K			1	Đủ ĐK thi TN THPT			
10	Lê Anh Kiệt	T	T			5	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
11	Đặng Nguyễn Nhã Linh	T	T			3	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	- Không đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT: 0
12	Phạm Nguyễn Duy Lợi	T	K			2	Đủ ĐK thi TN THPT			
13	Trần Thị Thùy Minh	T	K			3	Đủ ĐK thi TN THPT			
14	Lương Huỳnh Hải My	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	
15	Ngô Văn Thanh Nam	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Nguyễn Thanh Quân
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
18	Phan Thị Hoàng Tây Nguyên	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
19	Tạ Văn Nhân	T	K			6	Đủ ĐK thi TN THPT			
20	Võ Thị Yến Nhi	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
21	Trần Thị Nhiên	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
22	Dư Thị Phi Nhung	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
23	Bùi Hồng Như	T	K			2	Đủ ĐK thi TN THPT			
24	Nguyễn Thị Huỳnh Như	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	
25	Trần Lê Hạnh Phúc	-	-				-		-	
26	Võ Thanh Tâm	T	T			4	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Nguyễn Minh Triều
27	Trương Hữu Thành	K	K			5	Đủ ĐK thi TN THPT			
28	Nguyễn Thị Hồng Thảo	T	K				Đủ ĐK thi TN THPT			
29	Đặng Tuyết Thảo	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
30	Võ Thị Cẩm Tiên	T	T			3	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
31	Trần Kim Thủy Tiên	T	T			3	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
32	Nguyễn Phan Thy Trang	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
33	Nguyễn Phát Triển	T	K			1	Đủ ĐK thi TN THPT			
34	Nguyễn Đặng Phương Trúc	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	
35	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
36	Trần Thị Thanh Trúc	T	K			5	Đủ ĐK thi TN THPT			
37	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
38	Võ Đại Vệ	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
39	Phạm Quốc Việt	T	K			2	Đủ ĐK thi TN THPT			
40	Ngô Thảo Vy	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
41	Lương Huỳnh Trúc Vy	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	
42	Huỳnh Ngọc Tường Vy	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 10	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 11	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 12	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 1	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 3	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 4	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 5	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều